

Thân Loan Thánh nhân

**TÔN HIỆU CHÂN TƯỢNG MINH VĂN**

尊號真像銘文

Việt dịch: Quảng Minh

## DẪN NHẬP

Tôn Hiệu Chân Tượng Minh Văn (尊號真像銘文) do Thân Loan Thánh nhân sáng tác, được thu tàng trong Đại Chánh Tạng, tập 83, No. 1656.

Tôn hiệu là đức hiệu cao quý của Bôn tôn A Di Đà Phật, đó là: “Nam mô A Di Đà Phật”, “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai”, “Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật”, v.v.

Chân tượng là ảnh tượng chân thật của các bậc Tổ sư từ Ân Độ, Trung Quốc đến Nhật Bản, khai sáng Tịnh độ Chân tông như Bồ tát Long Thọ, Bồ tát Thiên Thân, Hòa thượng Đàm Loan, Đại sư Thiện Đạo, Thượng nhân Pháp Nhiên, v.v.

Phía trên hay dưới mỗi bức ‘tôn hiệu’ và ‘chân tượng’ này, Thân Loan Thánh nhân viết thêm yếu văn của chú kinh và luận thích, theo thể văn ca ngợi, gọi đó là Minh văn.

Tổng cộng có mười bảy đoạn kinh văn và luận văn. Thân Loan Thánh nhân đem mười bảy đoạn văn này tập hợp thành một quyển và giải thích bằng tiếng Nhật một cách đơn giản, chính là tác phẩm Tôn Hiệu Chân Tượng Minh Văn này.

Ba yếu tố Tôn hiệu, Chân tượng và Minh văn chính là Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, và trong trường hợp này, nó bày tỏ sự tán ngưỡng đến ân đức quảng đại của Tam bảo. Tôn hiệu và Chân tượng được ghi thêm Minh văn trở thành đối tượng để lễ lạy, và bản thân Minh văn trình bày giáo nghĩa căn bản của Tịnh độ Chân tông.

Có hai văn bản của sách này: quảng bản (Chánh Gia bản 正嘉本, khi Thân Loan 86 tuổi) và lược bản (Kiến Trường bản 建長本, lúc Thân Loan 83 tuổi). Bản dịch này là quảng bản. Quảng bản được chia thành hai quyển: Bản (gốc) và Mạt (ngọn). Quyển Bản bao gồm: ba câu văn từ Đại kinh, một câu văn từ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, một câu văn từ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, hai câu văn từ Tịnh Độ

Luận, một câu văn của Thích Ca Tài, một câu văn của Trí Vinh, ba câu văn của Đại sư Thiện Đạo và hai câu văn từ Thánh Đức Thái Tử Lễ Tán. Quyển Mạt có một câu văn của Hòa thượng Nguyên Tín, một câu văn của Lưu Quan (Long Khoan) ca ngợi Pháp Nhiên, ba câu văn của Pháp Nhiên Thượng nhân, một câu văn của Thánh Giác Pháp Ấn và một đoạn văn trong Chánh Tín Kệ của Thân Loan Thánh nhân.

Nhìn chung, bắt đầu bằng lời nguyện thứ 18 của Bản nguyện lục trong Đại Kinh rằng, ngay cả người ác cũng có thể an trú địa vị Chánh định tụ chỉ với nhất niệm tín tâm vào Bản nguyện, niệm Phật được vãng sanh và chứng quả thành Phật. Thân Loan Thánh nhân đã dùng những lời ‘minh văn’ để giải thuyết điểm tinh yếu của Tịnh độ Chân tông, cũng như ca ngợi những bậc Thầy Tổ đã thể hiện được điều đó.

Nếu Thân Loan Thánh nhân rời khỏi vùng Kanto để cống hiến hết mình cho các tác phẩm của mình mà không quan tâm đến vấn đề tín tâm, và chỉ làm như vậy với mục đích viết một bài bình luận, thì những dòng ‘minh văn’ được tìm thấy trong toàn bộ cuốn sách này, chẳng hạn như “Chúng sanh ở mười phương chính là chúng ta”, sẽ không được viết theo cách mang lại Pháp vị phong phú, đánh mạnh vào tâm thức người đọc.

San Francisco, ngày 1 tháng 11 năm 2024

Phật tử Quảng Minh kính ghi

# TÔN HIỆU CHÂN TƯỢNG MINH VĂN

尊號真像銘文

No. 2656

Thân Loan Thánh nhân soạn

## Quyển Bản

### (1) Nguyên thứ 18

Kinh Đại Vô Lượng Thọ nói:

*“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương mà chí tâm tín lạc, muốn sanh về nước tôi, nhĩn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp.”*

(Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín lạc, dục sanh ngã quốc, nĩ chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác, duy trừ ngũ nghịch, phĩ báng chánh pháp. 設我得佛, 十方眾生, 至心信樂, 欲生我國, 乃至十念, 若不生者, 不取正覺, 唯除五逆, 誹謗正法.)

*Đại Vô Lượng Thọ Kinh*: là bản kinh nói về 48 nguyện [của Đức Phật A Di Đà Phật].

*Thiết ngã đắc Phật*: Giả sử khi tôi thành Phật rồi.

*Chí tâm tín lạc*: *Chí tâm*, là ‘chân thật’. *Chân thật* là lấy sự chân thật của thệ nguyện Như Lai làm chí tâm. Chúng sanh có đầy đủ phiền não là do xưa nay không có tâm chân thật, không có tâm thanh tịnh, bị vẩn đục bởi tà kiến ác. *Tín lạc*: sự chân thật của bản nguyện Như Lai, không có hai tâm<sup>1</sup>, thâm tín không nghi, gọi là Tín lạc. *Chí tâm tín lạc* là [Đức Phật] phát thệ muốn khuyên bảo chúng sanh mười phương, khiến họ tín lạc (tin ưa) thệ nguyện chân thật của tôi (Như Lai), gọi là *Chí tâm tín lạc*, chẳng phải tâm tự lực của phàm phu.

*Dục sanh ngã quốc*: đem cái tâm chí thành mà tín lạc vào tha lực, muốn sanh về Tịnh độ An Lạc.

*Nãi chí thập niệm*: khuyên bảo xưng niệm danh hiệu mà Như Lai đã phát thệ, và phát thệ bằng cách lấy ‘nãi chí’ (nhẫn đến, dù chi) thêm vào ‘thập niệm’ (mười niệm), là muốn chúng sanh biết rằng, xưng niệm danh hiệu mà không hạn chế số lần, không câu nệ thời gian. Từ thệ nguyện mà Như Lai ban tặng, nắm lấy danh hiệu ấy trong đời sống thường nhật, không đợi xưng niệm lúc lâm chung, chỉ ‘chí tâm tín lạc’ mà quy mạng Như Lai một cách sâu xa. Khi có được tín tâm chân thật này, liền thể nhập trong tâm quang ‘nhiếp thủ bất xả’, an định nơi địa vị Chánh định tự.

*Nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác*: *Nhược bất sanh giả*: nếu như chúng sanh không được vãng sanh. *Bất thủ Chánh giác*: tôi thề không bao giờ thành Phật. Chi tiết của bản nguyện này, Duy Tín Sao có nói rõ. *Duy tín* là nhất hướng nắm giữ sự tín lạc chân thật này.

*Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp*: muốn cho chúng sanh biết rằng, tội nhân ngũ nghịch bị chê bỏ, mà nặng hơn là tội phỉ báng chánh pháp. Hiện thị hai tội nặng này là để hiểu rằng, tất cả chúng sanh ở mười phương chắc chắn được vãng sanh nếu không bị loại bỏ.

---

<sup>1</sup> Không có hai tâm: nhất tâm, nhất niệm, chuyên nhất.

## (2) Bản nguyện lực Phật ấy, Nghe danh muốn vãng sanh

“Bản nguyện lực Phật ấy  
Nghe danh muốn vãng sanh  
Thả đò đến nước ấy  
Tự đạt bất thối chuyển.”

(Kỳ Phật bản nguyện lực  
Văn danh dục vãng sanh  
Giai tất đáo bỉ quốc  
Tự trí bất thối chuyển.

其佛本願力  
聞名欲往生  
皆悉到彼國  
自致不退轉。)<sup>2</sup>

*Kỳ Phật bản nguyện lực:* Bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

*Văn danh dục vãng sanh:* Văn: tin vào danh hiệu mà Như Lai đã phát thệ.

*Dục vãng sanh:* nghĩa muốn vãng sanh cõi tịnh An Lạc.

*Giai tất đáo bỉ quốc:* Những người tin vào danh hiệu mà Như Lai đã phát thệ và muốn vãng sanh đều nhất định đến được Tịnh độ, nếu họ không bị loại bỏ.

*Tự trí bất thối chuyển:* Tự, là tự nhiên. Tự nhiên, là chẳng phải sự kế đặc của chúng sanh, tự tự nhiên nhiên đưa họ đến địa vị Bất thối chuyển. Đây gọi là tự nhiên. Trí, là đạt đến, là ý chí, là lấy làm tông chỉ. Người tin vào danh hiệu mà Như Lai đã phát thệ thì tự nhiên đạt đến địa vị Bất thối chuyển, và lấy đây làm

---

<sup>2</sup> Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 273a22.

tông chỉ. *Bất thối*: bản thân quyết định trở thành một vị Phật, quyết tâm đạt địa vị ấy. Đây tức là nói, lấy việc ‘đạt đến địa vị Chánh định tự’ làm tông chỉ.

### **(3) Ất được siêu tuyệt thoát, vãng sanh nước An Dưỡng, cắt ngang năm đường dữ**

*“Ất được siêu tuyệt thoát, vãng sanh nước An Dưỡng, cắt ngang năm đường dữ, đường dữ tự nhiên đóng, thẳng đạo vô cùng cực, dễ sanh có mấy người, nước ấy không trái nghịch, tự nhiên bị kéo dắt.”*

(Tắt đặc siêu tuyệt khứ, vãng sanh An Dưỡng quốc, hoành tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế, thẳng đạo vô cùng cực, dị vãng nhi vô nhân, kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên chi sở khiên. 必得超絕去, 往生安養國, 橫截五惡趣, 惡趣自然閉, 升道無窮極, 易往而無人, 其國不逆違, 自然之所牽.)

*Tắt đặc siêu tuyệt khứ, vãng sanh An Dưỡng quốc: Tắt*, hàm ý ‘tự nhiên’. *Đặc*, là hoạch đặc. *Siêu*, là vượt qua. *Tuyệt*, là cắt rời. *Khứ*, từ bỏ mà rời đi; dứt bỏ thế giới Ta Bà, siêu thoát sanh tử luân hồi, hoạch đặc vãng sanh tịnh độ An Dưỡng. *An Dưỡng*, là tịnh độ An Lạc.

*Hoành tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế: Hoành*: Tín lạc vào nguyện lực của Như Lai, nên không phải sự kể đặc của hành giả, tự nhiên đoạn xả năm đường dữ, vĩnh ly bốn loài, đây gọi là Hoành. Bản nguyện của Như Lai chính là tha lực, đây nói là *Hoành siêu*. Hoành (橫, chiều ngang) đối lập với Thụ (豎, chiều dọc). Siêu (超, nhảy vọt), đối lập với Vu (迂, quanh co). Thụ và Vu, hàm ý là Tự lực Thánh đạo. Hoành và Siêu, bản ý là Tha lực Chân tông. *Tiệt*, là đoạn (cắt đứt), ‘hoành đoạn ngũ ác thú chi bán’ (橫斷五惡趣之絆, cắt ngang sự ràng buộc của

năm đường dữ). *Ác thú tự nhiên bế*: nếu quy mạng nguyện lực, thì đóng (ngừng/ chấm dứt) năm đường sanh tử, nên nói ‘tự nhiên bế’ (tự nhiên đóng). *Bế*, là quan bế (關閉, cài cửa và đóng lại), [hành giả] bị dẫn kéo bởi nghiệp nhân của bản nguyện mà tự nhiên vắng sanh An Lạc.

*Thăng đạo vô cùng cực*: *Thăng*, là đăng (登, đi lên). *Đăng*, là đạt đến Vô thượng Niết bàn. *Đạo*, là Đại niết bàn đạo. *Vô cùng cực*, là vô cùng tận.

*Dị vãng nhi vô nhân*: *Dị vãng*: dễ dàng rời đi, người nào nương tựa bản nguyện lực thì sanh về Thật báo độ của bản nguyện; không hoài nghi nên dễ sanh. *Vô nhân*: không có ai; người có tín tâm chân thật thì khó có, cho nên người sanh Thật báo độ được cho là ‘thiếu’ (ít). Do đó, Hòa thượng Nguyên Tín nói: “*Người sanh Báo độ không nhiều, người sanh Hóa độ không ít.*”

*Kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên chi sở khiên*: *Bất nghịch vi*: không điên đảo, không thác loạn.<sup>3</sup> Người có được tín tâm chân thật là nhờ ‘đại nguyện nghiệp lực’ [của Phật], từ đó nghiệp nhân của Tịnh độ tự nhiên không bị thác loạn. Bị ‘đại nguyện nghiệp lực’ dẫn kéo cho nên dễ sanh, tiến lên Vô thượng Đại niết bàn, vô cùng tận và vô cực hạn, nên nói là ‘Tự nhiên chi sở khiên’. Nghiệp nhân của ‘chí tâm tín lạc vào tha lực’ [của hành giả] được dẫn kéo một cách tự nhiên.

#### **(4) Đại Thế Chí Bồ tát ngự minh văn (大勢至菩薩御銘文)**

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Bồ tát Đại Thế Chí hoạch đắc Niệm Phật viên thông

---

<sup>3</sup> Ở thế giới Cực Lạc không có đau khổ. Trong Kinh A Di Đà có nói, “Xá Lợi Phất, quốc độ ấy vì lý do gì mệnh danh là Cực Lạc? Vì người quốc độ ấy không có mọi sự khổ não, chỉ hưởng yên vui, nên mệnh danh là Cực lạc.” Ở thế giới Cực Lạc, mọi hoàn cảnh đều là thuận cảnh, mọi thứ đều vừa ý hợp lòng, nên thế giới ấy là thế giới “không trái nghịch”. Ngược lại, ở thế giới Ta Bà này có quá nhiều đau khổ, như tam khổ, bát khổ và tám mươi bốn ngàn nỗi khổ.



“Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng với 52 vị Bồ tát đồng tu một pháp môn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: Con nhớ hàng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, đã dạy con pháp tu ‘niệm Phật tam muội’. [...]”<sup>4</sup> Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, tưởng đến Phật, thì đời này, đời sau, nhất định thấy Phật. Thấy Phật rồi thì không bao giờ xa cách Phật nữa, không cần phải nhờ phương tiện gì mà tâm tự khai ngộ. Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm, như thế gọi là Hương quang trang nghiêm. Bản nhân địa của con là dụng tâm niệm Phật để thể nhập Vô sanh nhẫn. Nay con ở cõi này thu nhiếp những người niệm Phật trở về Tịnh độ.”<sup>5</sup>

(Thủ Lăng Nghiêm Kinh ngôn: Thế Chí hoạch Niệm Phật Viên Thông. Đại Thế Chí Pháp vương tử dữ kỳ đồng luân ngũ thập nhị bồ tát, tức tùng tọa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Ngã ức vãng tích, hàng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp, kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bỉ Phật giáo ngã niệm Phật tam muội. [nãi chí] Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai. Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thủ tác danh viết, Hương quang trang nghiêm. Ngã bản nhân địa, dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô sanh nhẫn. Kim ư thử giới nhiếp niệm Phật nhân quy ư Tịnh độ. 首楞嚴經言, 勢至獲念佛圓通. 大勢至法王子與其同倫五十二菩薩, 即從座起, 頂禮佛足, 而白佛言: 我憶往昔, 恒河沙劫, 有佛出世, 名無

<sup>4</sup> [...]: “Ví như có một người chuyên nhớ và một người chuyên quên, thì hai người ấy, dù gặp nhau cũng như không gặp nhau, dù thấy nhau cũng như không thấy nhau. Nếu cả hai người đều nhớ đến nhau, nhớ mãi thì cái nhớ càng khắc sâu, cho đến đời này sang đời khác, như bóng theo hình, không bao giờ xa cách. Chư Phật mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con cứ trốn tránh thì mẹ nhớ cũng chẳng được gì. Nếu con nhớ mẹ đồng thời như mẹ nhớ con, thì kiếp kiếp mẹ con không bao giờ xa cách nhau.”

<sup>5</sup> Kinh Thủ Lăng Nghiêm, No. 945, quyển 5, tr. 128a21.

量光. 十二如來相繼一劫, 其最後佛名超日月光. 彼佛教我念佛三昧. [乃至] 若衆生心憶佛念佛, 現前當來必定見佛, 去佛不遠, 不假方便, 自得心開, 如染香人, 身有香氣. 此則名曰香光莊嚴. 我本因地, 以念佛心入無生忍. 今於此界攝念佛人歸於淨土.)

*Thế Chí hoạch niệm Phật viên thông:* Bồ tát Thế Chí đã đạt được sự niệm Phật một cách viên dung và thông đạt. *Hoạch*, là thu được, đạt được. Chữ ‘hoạch’ là khi [Bồ tát] ở nhân vị.<sup>6</sup> Đối với Bồ tát Đại Thế Chí, sự niệm Phật là để chứng đắc Phật quả.

*Đại Thế Chí Pháp vương tử dữ kỳ đồng luân:* 52 vị Bồ tát và Đại Thế Chí cùng tu một pháp môn. Các Bồ tát ấy đều là bậc Pháp vương tử, nên gọi là ‘dữ kỳ đồng luân’<sup>7</sup> (cùng tu một pháp môn/ cùng đẳng cấp với ngài).

*Tức tùng tọa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:* nghĩa là từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước mặt Đức Phật để lễ bái dưới chân Phật và thưa rằng.

*Ngã ức vãng tích:* là con nhớ lại hàng hà sa số kiếp lâu xa.

*Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Quang:* là trong những vị Phật xuất thế, có một Đức Phật xuất thế danh hiệu là A Di Đà Như Lai.

*Thập nhị quang Phật:* là Đức Phật ‘Ánh sáng’ ấy có mười hai lần xuất thế<sup>8</sup>, nên gọi là ‘Thập nhị Như Lai tương tục nhưt kiếp’. *Thập nhị Như Lai*, chỉ cho

---

<sup>6</sup> Chữ ‘đắc’ (得) là khi ở quả vị.

<sup>7</sup> Luân (倫) là loại (類). Đồng luân (同倫) tức là đồng loại (同類). Bồ tát Đại Thế Chí và 52 vị Đại Bồ tát khác đồng tu pháp môn niệm Phật, từ thế giới Cực Lạc đi đến thế giới Ta Bà để tham dự Pháp hội Lăng Nghiêm của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Các vị Bồ tát này đến tham dự Pháp hội Lăng Nghiêm là vì ‘thượng cầu Phật đạo’, bởi lẽ chư vị ấy vẫn chưa thành Phật, và ngoài việc học hỏi từ Đức Phật A Di Đà, họ còn phải học pháp từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chư vị Bồ tát tham dự Pháp hội Lăng Nghiêm còn là để trình bày pháp tu ‘Niệm Phật viên thông’, với mục đích ‘hạ hóa chúng sanh’. Năm mươi hai Đại Bồ tát đều là bậc Bồ tát Đẳng giác, đồng tu pháp môn niệm Phật, cho nên gọi là ‘đồng luân’.

<sup>8</sup> Đức Phật A Di Đà có 12 dị danh. Thập nhị quang (十二光): chỉ cho 12 danh xưng tán thán ánh sáng của Đức Phật A Di Đà. Đó là: (1) Vô lượng quang (無量光): Ánh sáng của Phật không thể tính lường. (2) Vô biên quang (無邊光): Ánh sáng của Phật không có biên giới, nghĩa là chúng sanh có nhân duyên hay không nhân duyên đều được soi chiếu. (3) Vô ngại quang (無礙光): Nhân, Pháp không thể làm chướng ngại được ánh sáng của Phật. (4) Vô đối

‘thập nhị quang’ của A Di Đà Như Lai. *Tương tục nhưt kiếp*: là 12 lần xuất thế của ‘Thập nhị quang Phật’ (Đức Phật có mười hai danh hiệu ‘quang minh’)

*Kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang*: Đức Phật xuất thế sau cùng của Thập nhị quang Phật có danh hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

*Bỉ Phật giáo ngã niệm Phật tam muội*: Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang đã dạy ‘Niệm Phật tam muội’ cho Bồ tát Đại Thế Chí.

*Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật*: nếu tâm chúng sanh lúc nào cũng nhớ nghĩ đến Phật rồi niệm danh hiệu Phật.

*Hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*: đời này sẽ thấy được Phật và đời sau cũng sẽ thấy được Phật, không cách xa tuệ giác của Phật, không mượn phương tiện nào khác mà tự nhiên đạt được tuệ giác ngay nơi tâm mình.

*Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí*: mùi thơm hòa quyện nơi thân thể của người xông hương. Người dụng tâm niệm Phật thì người ấy nên dụng tâm như Bồ tát Đại Thế Chí. Vì lý do này mà có câu ‘*Thử tắc danh viết Hương quang trang nghiêm*’.

Người nào niệm Phật với dụng tâm như Bồ tát Đại Thế Chí thì giống như người xông hương kia. Cho nên Bồ tát Đại Thế Chí mới nói rằng: “*Ngã bản nhân địa, dĩ niệm Phật tâm nhập Vô Sanh Nhân. Kim ư thử giới nhiếp niệm Phật nhân quy ư Tịnh độ.*” *Ngã bản nhân địa*: nhân địa của chính mình. *Dĩ niệm Phật tâm*: là

---

quang (無對光): Ánh sáng của các Bồ tát không thể sánh bằng. (5) Diêm vương quang (餓王光): Ánh sáng chói lọi không gì sánh bằng. (6) Thanh tịnh quang (清淨光): Ánh sáng thanh tịnh từ thiện căn vô tham của Phật phát ra, có năng lực tiêu trừ tâm tham trước của chúng sanh. (7) Hoan hỷ quang (歡喜光): Ánh sáng hoan hỷ từ thiện căn vô sân của Phật phát ra có năng lực tiêu trừ tâm sân hận của chúng sanh. (8) Trí tuệ quang (智慧光): Ánh sáng trí tuệ từ tâm thiện căn vô si của Phật sanh khởi, có công năng tiêu trừ tâm vô minh của chúng sanh. (9) Bất đoạn quang (不斷光): Ánh sáng thường hằng chiếu soi, không gián đoạn. (10) Nan tư quang (難思光): Ánh sáng khó nghĩ bàn, nghĩa là hàng Nhị thừa không thể đo lường được. (11) Vô xưng quang (無稱光): Ánh sáng mà hàng Thanh văn, Bồ tát khó khen ngợi hết được. (12) Siêu nhật nguyệt quang (超日月光): Ánh sáng chiếu soi cả ngày lẫn đêm, vượt cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; nếu có chúng sanh nào gặp được ánh sáng này thì thân ý trở nên dịu dàng, vui vẻ mà sanh thiện tâm; nếu chúng sanh nào đang ở trong ba đường khổ não mà thấy ánh sáng này thì các khổ đều dứt, sau khi mạng chung đều được giải thoát.

dụng tâm mà niệm Phật. *Nhập Vô sanh nhẫn*: là thể nhập Vô sanh nhẫn<sup>9</sup>. *Kim u thế giới*: nay ở nơi thế giới Ta Bà. *Nhiếp niệm Phật nhân*: nhiếp thủ người niệm Phật. *Quy u Tịnh độ*: là nhiếp thủ người niệm Phật trở về Tịnh độ.

### (5) Long Thọ Bồ tát ngự minh văn (樹菩薩御銘文)

Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận có nói:

*Người hay niệm Phật ấy  
Vô lượng lực công đức  
Tức thời nhập tất định  
Cho nên tôi thường niệm.  
Nếu ai muốn làm Phật  
Tâm niệm A Di Đà  
Ứng thời vì hiện thân  
Cho nên tôi quy mạng.<sup>10</sup>*

(Nhân năng niệm thi Phật,  
Vô lượng lực công đức  
Tức thời nhập tất định,  
Thị cố ngã thường niệm.  
Nhược nhân nguyện tác Phật  
Tâm niệm A Di Đà  
Ứng thời vì hiện thân,

<sup>9</sup> Vô sanh nhẫn hay vô sanh pháp nhẫn. Trí Độ Luận quyển 73 nói, được vô sanh pháp nhẫn thì gọi là a bệ bạt trí (bất thối: không thoái chuyển). Không thoái chuyển, phần chính là sự không thoái chuyển đối với Tuệ giác vô thượng, bao gồm sự không còn đọa lạc ác đạo, sự được vô sanh pháp nhẫn và sự quyết định sẽ thành Phật.

<sup>10</sup> Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, No. 1521, phẩm Dị Hành, tr. 43a19 và 43b10.

Thị cố ngã quy mạng.

人能念是佛

無量力功德

即時入必定

是故我常念

若人願作佛

心念阿彌陀

應時爲現身

是故我歸命.)

*Nhân năng niệm thị Phật, Vô lượng lực công đức:* Người thường nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà có vô lượng công đức và nguyện lực.

*Tức thời nhập tất định:* người có một niệm tin tưởng Đức Phật A Di Đà thì tức thời nhập địa vị Tất định. Một khi nhập địa vị Tất định thì liên tục nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà, vì vậy mà chắc chắn nhập địa vị Chánh định tự.

*Thị cố ngã thường niệm:* chúng ta thường niệm Đức Phật A Di Đà.

*Nhược nhân nguyện tác Phật:* nếu có người có tâm nguyện muốn thành Phật.

*Tâm niệm A Di Đà:* trong tâm luôn nghĩ đến Đức Phật A Di Đà, và khi nghĩ đến Đức Phật thì Đức Phật ‘*ứng thời vị hiện thân*’. *Ứng thời*, là khi thời gian thích ứng. *Vị hiện thân*, là Đức Như Lai sẽ vì người có tín tâm mà hiện thân cho thấy.<sup>11</sup>

*Thị cố ngã quy mạng:* Bỏ tất Long Thọ quy mạng với A Di Đà Như Lai.

<sup>11</sup> Có người có thể nói: “Nhưng khi chúng ta niệm Phật, chúng ta vẫn không thấy được Phật.” Đúng là chúng ta không thể nhìn thấy Đức Phật bằng mắt thường, nhưng điều đó không có nghĩa là Đức Phật A Di Đà không tồn tại vì chúng ta không thể nhìn thấy Ngài. Ngược lại, Đức Phật A Di Đà luôn xuất hiện trước mặt chúng ta với lòng đại từ bi của Ngài. Vì vậy, Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói: “Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, chúng sanh niệm Phật đều được nhiếp lấy không bỏ.” (Quang minh biến chiếu thập phương thế giới, niệm Phật chúng sanh nhiếp thủ bất xả. 光明遍照十方世界,念佛衆生攝取不捨.) Khi chúng ta niệm Phật, ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu chạm thân thể chúng ta, ‘nhiếp thủ bất xả’, cho nên Đức Phật A Di Đà luôn ở bên chúng ta.

## (6) Thế Tôn con nhất tâm

Tịnh Độ Luận của Bồ tát Thiên Thân nói:

*“Thế Tôn con nhất tâm  
Quy mạng hết mười phương  
Vô Ngại Quang Như Lai  
Nguyện sanh An Lạc quốc  
Con y Tu đà la  
Tướng công đức chân thật  
Nói nguyện kệ tổng trì  
Tương ưng lời Phật dạy  
Quán tướng thế giới kia  
Thắng hơn Tam giới đạo  
Cứu cánh như hư không  
Quảng đại không biên tế.”<sup>12</sup>*

(Thế Tôn ngã nhất tâm  
Quy mạng tận thập phương  
Vô Ngại Quang Như Lai  
Nguyện sanh An Lạc quốc  
Ngã y Tu đà la  
Chân thật công đức tướng  
Thuyết nguyện kệ tổng trì  
Dữ Phật giáo tương ưng

<sup>12</sup> Vô Lượng Thọ Kinh Ưu bà đề xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, tr. 230c17.

Quán bỉ thế giới tướng  
Thắng quá tam giới đạo  
Cứu cánh như hư không  
Quảng đại vô biên tế.

世尊我一心  
歸命盡十方  
無礙光如來  
願生安樂國  
我依修多羅  
真實功德相  
說願偈總持  
與佛教相應  
觀彼世界相  
勝過三界道  
究竟如虛空  
廣大無邊際。)

Lại nói:

*"Quán Phật bản nguyện lực  
Ai gặp không luống qua  
Khiến được mau đầy đủ  
Biển báu lớn công đức."*<sup>13</sup>

---

<sup>13</sup> Vô Lượng Thọ Kinh Ưu bà đề xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, tr. 230a24.

(Quán Phật bản nguyện lực

Ngộ vô không quá giả

Năng lệnh tốc mãn túc

Công đức đại bảo hải.

觀佛本願力

遇無空過者

能令速滿足

功德大寶海.)

*Thế Tôn ngã nhất tâm*: Thế Tôn, là Đức Thích Ca Như Lai. Ngã, là Bồ tát Thế Thân tự thân xưng hô. Nhất tâm, là đối với lời dạy của Đức Thế Tôn Giáo Chủ mà không có hai tâm, không có nghi tâm, tức là tín tâm chân thật.

*Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*: Quy mạng, là Nam mô. Quy mạng là thuận theo giáo mạng của Như Lai. Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai: tức là A Di Đà Như Lai, và Như Lai ấy chính là ‘quang minh’. Tận thập phương: Tận, là hết thảy; là hết thảy mười phương thế giới đều biên mãn. Vô ngại: không chướng ngại, phiền não ác nghiệp của chúng sanh không thể chướng ngại. Quang Như Lai: là Đức Phật A Di Đà; Như Lai ấy chính là Bát Tu Nghị Quang Phật (Đức Phật danh hiệu Ánh sáng không thể nghĩ bàn); Như Lai ấy là sắc thái của trí tuệ, chiếu khắp mười phương vi trần quốc độ.

*Nguyện sanh An Lạc quốc*: Bồ tát Thế Thân tin tưởng vào hạnh nguyện của Đức Phật Vô Ngại Quang, nguyện vãng sanh An Lạc quốc.

*Ngã y Tu đà la, Chân thật công đức tướng*: Ngã, là lời xưng hô ‘chính tôi’ của luận chủ Thiên Thân. Y, là y cứ, y cứ Tu đà la. Tu đà la: là Thiên Trúc ngữ, tức kinh điển của Phật. Những lời dạy của Đức Phật, gồm có Đại thừa, Tiểu thừa, đều gọi là Tu đà la. Ở đây, Tu đà la chỉ cho Đại thừa, không phải Tiểu thừa. Ở đây, ba



bộ kinh điển<sup>14</sup> là Đại thừa Tu đa la, và [Bồ tát Thiên Thân] y cứ ba bộ kinh Đại thừa này.

*Chân thật công đức tướng*: tức là tôn hiệu của thế nguyện.

*Thuyết nguyện kệ tổng trì*: *Kệ*, là ý nói ‘bản nguyện’. *Tổng trì*, là trí tuệ; trí tuệ của ‘Vô Ngại Quang’, gọi đó là tổng trì.

*Dĩ Phật giáo tương ưng*: tư tưởng của luận này tương ưng với lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và thế nguyện của Đức Phật A Di Đà.

*Quán bỉ thế giới tướng, Thắng quá tam giới đạo*: quán thấy thế giới An Lạc kia là ‘vô biên tế như hư không, quảng đại như hư không’.

*Quán Phật bản nguyện lực, Ngộ vô không quá giả*: quán thấy bản nguyện lực của Như Lai. Người tin vào bản nguyện lực thì không uổng dừng lại chỗ này.

*Năng lệnh tốc mãn túc, Công đức đại bảo hải*: *Năng*, là khả năng. *Linh*, là khiến cho. *Tốc*, là mau chóng. Người nào có tín lạc vào bản nguyện lực, thì ‘*khiến được mau đầy đủ, biển báu lớn công đức*’ ngay nơi bản thân người ấy. Công đức của Như Lai thì vô biên tế, quảng đại và sung mãn, thí như nước của biển cả.

## (7) Tề Triều Đàm Loan Hòa thượng chân tượng minh văn

“*Pháp sư Thích Đàm Loan, người huyện Ván Thủy, Tịnh Châu. Cuối đời Ngụy và đầu đời Cao Tề<sup>15</sup> còn tồn tại. Thần trí cao viễn, tam quốc nghe biết, thông suốt kinh điển, độc bộ<sup>16</sup> nhân ngoại<sup>17</sup>. Thiên tử nước Lương là Tiêu Vương, hằng*

<sup>14</sup> Tịnh độ tam bộ kinh: Đại Kinh, Quán Kinh và Tiểu Kinh.

<sup>15</sup> Cao Tề (高齊): là Bắc Tề của thời kỳ Nam Bắc triều. Đông Ngụy bị Văn Tuyên Đế Cao Dương thay thế, kiến lập ra Tề quốc. Sử gọi là Bắc Tề. Bởi vì hoàng thất họ Cao, còn gọi là Cao Tề. Sau bị Bắc Chu tiêu diệt, tồn tại được 28 năm.

<sup>16</sup> Độc bộ (獨步): Bước một mình, ý nói vượt lên xung quanh, không ai theo kịp, không ai sánh bằng.

<sup>17</sup> Nhân ngoại (人外): sanh vật không phải loài người, siêu nhân, ý nói vượt trội mọi người.

*hương về phía Bắc lay Bồ tát Đàm Loan. Chú giải Vãng Sanh Luận, chép thành hai quyển.”<sup>18</sup>*

(Thích Đàm Loan pháp sư giả, Tịnh Châu Vấn Thủy huyện nhân dã. Ngụy mạt Cao Tề chi sơ do tại. Thần trí cao viễn, tam quốc tri văn, đồng hiểu chúng kinh, độc bộ nhân ngoại. Lương quốc thiên tử Tiêu Vương, hằng hương bắc lễ Đàm Loan bồ tát. Chú giải Thiên Thân bồ tát Vãng sanh luận, tài thành lưỡng quyển. 釋曇鸞法師者, 并州汶水人也. 魏末高齊之初猶在. 神智高遠, 三國知聞, 洞曉眾經, 獨步人外. 梁國天子蕭王, 恆向北禮曇鸞菩薩. 註解天親菩薩往生論, 裁成兩卷.)

Sự tích này trích từ Tịnh Độ Luận gồm 3 quyển của Thích Ca Tài.

*Thích Đàm Loan pháp sư giả, Tịnh Châu Vấn Thủy huyện nhân dã:* Tịnh Châu là tên gọi một nước, Vấn Thủy là tên một huyện.

*Ngụy mạt Cao Tề chi sơ do tại:* *Ngụy mạt*, là tên một triều đại ở Chân Đán (Trung Quốc). *Mạt*, là cuối, và đó là cuối triều đại Ngụy. *Cao Tề chi sơ:* đầu triều đại Tề. Từ ‘*Do tại*’ mô tả khoảng thời gian giữa nhà Ngụy và nhà Tề.

*Thần trí cao viễn:* chỉ cho trí tuệ siêu việt của Hòa thượng Đàm Loan.

*Tam quốc tri văn:* *Tam quốc*, là ba triều đại Ngụy, Tề và Lương. *Tri văn*, là cả ba triều đại đều nghe biết danh ngài.

*Đồng hiểu chúng kinh:* ngài thông thạo mọi kinh điển.

---

<sup>18</sup> Tịnh Độ Luận, No. 1963, do Ca Tài soạn, quyển hạ, tr. 97c09. Ca Tài (迦才): Vị tăng đời Đường. Năm sanh năm mất không rõ. Khoảng năm Trinh Quán, ngài ở chùa Hoằng Pháp tại Trường An, siêng tu tịnh nghiệp, hoằng dương pháp môn Tịnh độ. Chịu ảnh hưởng của ngài Đạo Xức, Ca Tài bắt đầu chỉnh lý các bộ luận viết về Tịnh độ, rồi soạn bộ Tịnh Độ Luận gồm 3 quyển, chủ trương niệm Phật lấy quán tưởng làm cốt yếu. Cứ theo truyện Tĩnh Lâm trong Tục Cao Tăng Truyện quyển 20 chép, thì chùa Hoằng Pháp là do Chánh Bình công Lý An Viễn sáng lập vào năm Vũ Đức thứ 3 (620), đời vua Cao tổ nhà Đường và ngài Tĩnh Lâm là vị sư đầu tiên trụ trì chùa này. Ngài Tĩnh Lâm là người hoằng dương Nhiếp Luận, bởi vậy, nếu căn cứ vào mục lục các kinh, luận, chương, sớ mà Tịnh độ tông dựa vào để suy đoán, thì ngài Ca Tài có lẽ là vị tăng thuộc Nhiếp luận tông. Còn những sự tích khác về ngài không được biết rõ.

*Độc bộ nhân ngoại*: ngài vượt trội hơn mọi người.<sup>19</sup>

*Lương quốc thiên tử*: vua triều đại nhà Lương tên là Tiêu Vương.

*Hàng hướng Bắc lễ*: vua nước Lương thường hướng về phương Bắc để lễ lạy ngài Đàm Loan và tôn kính như một vị Bồ tát.

*Chú giải Vãng Sanh Luận*: Vãng Sanh Luận Chú, còn gọi là Chú Luận, giải thích tường tận Tịnh Độ Luận của Bồ tát Thiên Thân.

*Tài thành lưỡng quyển*: Chú Luận được chia thành hai quyển.

*Tịnh Độ Luận gồm 3 quyển của Thích Ca Tài*: *Thích Ca Tài*: Thích, là từ dùng để chỉ đệ tử của Đức Thích Tôn. *Ca Tài*, là một Tổ sư của Tịnh độ tông, là một bậc trí tuệ vĩ đại. Thánh nhân (Ca Tài) đã viết *Tịnh Độ Luận gồm 3 quyển*, trong đó có đoạn trích này về Đại sư Đàm Loan.

### **(8) Đường triều Quang Minh tự Thiện Đạo Hòa thượng chân tượng minh văn (唐朝光明寺善導和尚真像銘文)**

*“Trí Vinh khen biệt đức của Thiện Đạo: ‘Thiện Đạo là hóa thân của Đức Phật A Di Đà, xưng Phật sáu chữ, tức là ca ngợi Phật, tức là sám hối, tức là phát nguyện và hồi hướng tất cả thiện căn để trang nghiêm Tịnh độ.’”*

(Trí Vinh tán Thiện Đạo biệt đức vân: Thiện Đạo A Di Đà Phật hóa thân, xưng Phật lục tự, tức thán Phật, tức sám hối, tức phát nguyện hồi hướng nhất thiết thiện căn trang nghiêm Tịnh độ. 智榮贊善導別德云：善導阿彌陀佛化身，稱佛六字，即歎佛，即懺悔，即發願回向一切善根莊嚴淨土.)

---

<sup>19</sup> Chánh văn là Độc xuất nhân ngoại (獨出人外). Tịnh Độ Luận ghi Độc bộ nhân ngoại.

*Trí Vinh*: một cao tăng Trung Quốc.<sup>20</sup> Ngài ngợi khen biệt đức của Đại sư Thiện Đạo rằng: “*Thiện Đạo là hóa thân của Đức Phật A Di Đà.*”

*Xưng Phật lục tự*: xưng niệm sáu chữ ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

*Tức thán Phật*: xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ thì thành lời ca ngợi.<sup>21</sup>

*Tức sám hối*: xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ thì trở thành sám hối tội nghiệp từ vô thủy đến nay.<sup>22</sup>

*Tức phát nguyện hồi hướng*: xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ tức là muốn vãng sanh Tịnh độ An Lạc.<sup>23</sup>

*Nhất thiết thiện căn trang nghiêm Tịnh độ*: vì ba chữ ‘A Di Đà’ nhiếp hết tất cả thiện căn, nên xưng niệm danh hiệu liền thành ‘trang nghiêm tịnh độ’.<sup>24</sup>

Nên biết, thiền sư Trí Vinh đã tán thán Hòa thượng Thiện Đạo như vậy.

### **(9) Hòa thượng Thiện Đạo giải thích sáu chữ**

Hòa thượng Thiện Đạo nói: “*Nam mô, tức là ‘quy mạng’, cũng là nghĩa ‘phát nguyện hồi hướng’. A Di Đà Phật, tức là hạnh của người ấy. Bởi nghĩa này mà nhất định được vãng sanh.*”<sup>25</sup>

<sup>20</sup> Thiền sư Trí Vinh ở triều đại Tống, sùng kính ngưỡng mộ cao đức của Đại sư Thiện Đạo, đã viết ‘Thiện Đạo Đại sư pháp tượng minh văn’ (善導大師法像銘文) để ca ngợi.

<sup>21</sup> Xưng niệm danh hiệu Phật là lời ca ngợi cao nhất đối với Đức Phật A Di Đà. Trong Vãng Sanh Luận của Bồ Tát Thiện Thân nói: “Xưng niệm danh hiệu Phật tức là Tán thán môn.”

<sup>22</sup> Danh hiệu đầy đủ công đức, một niệm có thể tiêu trừ tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội, một niệm đã vậy, huống chi thường niệm. Đại sư Thiện Đạo đã nói trong Ban Chu Tán: “Niệm niệm xưng danh thường sám hối.” Xưng niệm danh hiệu Phật tự nó có công năng sám hối.

<sup>23</sup> Trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, phần Huyền Nghĩa, Đại sư Thiện Đạo có nói: “Nam mô, tức là quy mạng, cũng là nghĩa phát nguyện hồi hướng. A Di Đà Phật, tức là hạnh của người ấy. Bởi nghĩa này mà nhất định được vãng sanh.”

<sup>24</sup> Nhân vị vạn hạnh và quả địa vạn đức của Đức Phật A Di Đà thảy đều gồm trong danh hiệu. Do sáu chữ danh hiệu này mà đủ các thiện pháp, nhiếp các đức bản. Thế nên, xưng niệm danh hiệu Phật thì tự có được tất cả thiện căn, tự thành tựu trang nghiêm tịnh độ.

<sup>25</sup> Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ (còn gọi Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ), No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 250a27. Sáu chữ ba nghĩa: Nam mô: (1) Quy mạng (Tín) và (2) Phát nguyện vãng sanh (Nguyện). A Di Đà Phật: (3) Tức thị kỳ hành (Hành). Tín-Nguyện-Hành là ba tư lương vãng sanh Tịnh độ.

(Thiền Đạo hòa thượng vân: Ngôn nam mô giả: tức thị quy mạng, diệc thị phát nguyện hồi hướng chi nghĩa. Ngôn A Di Đà Phật giả: tức thị kỳ hành. Dĩ tư nghĩa cố, tất đắc vãng sanh. 善導和尚云: 言南無者: 即是歸命, 亦是發願回向之義. 言阿彌陀佛者: 即是其行. 以斯義故, 必得往生.)

*Ngôn nam mô giả: Nam mô*, tức là quy mạng. *Quy mạng*, tức là thuận theo lời dạy của hai Đức Thế Tôn: Thích Ca và Di Đà. Khế hợp nguyện ý [của Phật], nên nói ‘*tức thị quy mạng*’.

*Diệc thị phát nguyện hồi hướng chi nghĩa*: tâm thuận theo hai Đức Thế Tôn, ý nguyện sanh Tịnh độ An Lạc.

*Ngôn A Di Đà Phật giả*: là ‘tức thị kỳ hành’.

*Tức thị kỳ hành*: đó là bản nguyện được tuyên trách bởi Bồ tát Pháp Tạng, là chánh định nghiệp làm nhân cho [sự vãng sanh] Tịnh độ An Dưỡng.

*Dĩ tư nghĩa cố*: bởi vì nghĩa ấy.

*Tất đắc vãng sanh*: là tự nhiên đạt được sự vãng sanh. *Tất*, là tất định (chắc chắn quyết định), biểu thị ý ‘tự nhiên’. *Tự nhiên*, ngay từ đầu không có sự tạo tác, hành giả không có tâm kế đặc. *Đắc*, là đạt được. *Vãng sanh*, là được sanh về Tịnh độ.

## **(10) Nhiếp sanh tăng thượng duyên**

Lại nói: “*Nói về Nhiếp sanh tăng thượng duyên, tức như Kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện có nói, Đức Phật nói: ‘Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nguyện sanh vào nước tôi, xưng danh hiệu tôi, nhân đến mười tiếng, nương nguyện lực của tôi, nếu như không được sanh thì tôi chẳng*

*lấy ngôi Chánh giác.’ Đây chính là hành giả nguyện vãng sanh, lúc mạng sắp hết, nguyện lực nhiếp lấy mà được vãng sanh, nên gọi là Nhiếp sanh tăng thượng duyên.’<sup>26</sup>*

(Ngôn Nhiếp sanh tăng thượng duyên giả, tức như Vô Lượng Thọ Kinh tứ thập bát nguyện trung thuyết, Phật ngôn: ‘Nhược ngã thành Phật, thập phương chúng sanh nguyện sanh ngã quốc, xưng ngã danh tự, hạ chí thập thanh, thừa ngã nguyện lực, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác.’ Thử tức thị nguyện vãng sanh hành nhân, mạng dục chung thời, nguyện lực nhiếp đắc vãng sanh, cố danh Nhiếp sanh tăng thượng duyên. 言攝生增上緣者, 即如無量壽經四十八願中說, 佛言: 若我成佛, 十方衆生願生我國, 稱我名字, 下至十聲, 乘我願力, 若不生者, 不取正覺. 此即是願往生行人, 命欲終時, 願力攝得往生, 故名攝生增上緣.)

*Ngôn Nhiếp sanh tăng thượng duyên giả: Nhiếp sanh, là thệ nguyện nhiếp thủ chúng sanh.*

*Như Vô Lượng Thọ Kinh tứ thập bát nguyện trung thuyết: lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni về bản nguyện của A Di Đà Như Lai.*

*Nhược ngã thành Phật: Bồ tát Pháp Tạng nói, ‘Nếu khi tôi thành Phật’.*

*Thập phương chúng sanh: chúng sanh ở mười phương chính là chúng ta vậy.*

*Nguyện sanh ngã quốc: nguyện sanh Tịnh độ An Lạc.*

*Xưng ngã danh tự: danh hiệu Phật được xưng niệm khi tôi thành Phật.*

*Hạ chí thập thanh: xưng niệm danh hiệu mà tôi thiếu mười tiếng. Hạ chí: điều này cho thấy những ai có nhiều hơn mười tiếng, những ai đã nghe danh hiệu trong một niệm hoặc hai niệm, mà không bỏ sót và không chối từ thì đều được vãng sanh.*

---

<sup>26</sup> Phật Thuyết A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (觀念阿彌陀佛相海三昧功德法門), No. 1957, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 27a16.

*Thừa ngã nguyện lực: thừa*, là cưỡi (ngồi, đi, nương), cũng là ‘trí’. *Trí*, là biết nương nguyện lực. Nương nguyện lực để sanh về Tịnh độ An Dưỡng.

*Nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh giác*: người tin vào thế nguyện mà không sanh về Thật báo độ của bản nguyện, thì thôi thế không thành Phật.

*Thử tức thị nguyện vãng sanh hành nhân*: người mong muốn được vãng sanh.

*Mạng dục chung thời*: lúc mạng sống sắp kết thúc.

*Nguyện lực nhiếp đắc vãng sanh*: đại nguyện nghiệp lực nhiếp thủ khiến được vãng sanh. Đây là nói đến người có được tín tâm chân thật trong đời sống thường nhật, không phải khi lâm chung tín tâm mới được xác định. Nhờ được tâm quang của Đức Phật A Di Đà liên tục nhiếp hộ, người có tín tâm kim cương sẽ an trú địa vị Chánh định tụ, và không đợi lúc lâm chung mà đã chuẩn bị từ khi còn sống, người đó luôn được Đức Phật A Di Đà ‘nhiếp hộ bất xả’, gọi đó là ‘*nhiếp đắc vãng sanh*’. Vì lý do này, nó được gọi là *Nhiếp sanh tăng thượng duyên*.

Cũng có những người lúc bình thường không có tín tâm chân thật, nhưng dựa vào công phu xưng niệm hằng ngày, cuối cùng khi lâm chung, họ gặp được sự khuyên bảo của một vị thiện tri thức, và khi có được tín tâm, họ nhờ nguyện lực nhiếp thủ mà được vãng sanh. Những người chờ đợi lâm chung được lai nghinh, nếu họ chưa có tín tâm, thì sẽ lo lắng không biết mình có thể được vãng sanh hay không.

### **(11) Hộ niệm tăng thượng duyên**

Lại nói: “*Nói về Hộ niệm tăng thượng duyên: [...] chỉ có chúng sanh chuyên niệm A Di Đà Phật, thì tâm quang Phật kia thường chiếu người ấy, nhiếp hộ không bỏ, hoàn toàn không nói tới sự chiếu nhiếp hành giả tạp nghiệp khác. Đây cũng là Hiện sanh hộ niệm tăng thượng duyên.*”

(Ngôn Hộ niệm tăng thượng duyên giả, [nãi chí] dẫn hữu chuyên niệm A Di Đà Phật chúng sanh, bỉ Phật tâm quang thường chiếu thị nhân, nhiếp hộ bất xả; tổng bất luận chiếu nhiếp dư tạp nghiệp hành giả. Thử diệc thị Hiện sanh hộ niệm tăng thượng duyên. 言護念增上緣者, [乃至]但有專念阿彌陀佛眾生, 彼佛心光常照是人, 攝護不捨. 總不論照攝余雜業行者. 此亦是現生護念增上緣.)

*Ngôn Hộ niệm tăng thượng duyên giả*: người có được tín tâm chân thật thì thường được thủ hộ ở đời này.

*Dẫn hữu chuyên niệm A Di Đà Phật chúng sanh*: một hướng không hai tâm mà niệm A Di Đà Phật.

*Bỉ Phật tâm quang thường chiếu thị nhân*: *Bỉ Phật tâm quang*: tâm của Vô Ngại Quang Phật. *Thường chiếu*: Thường, là không chọn giờ, chẳng cách ngày, không nệ chỗ, mà thường chiếu người tín tâm chân thật. *Chiếu*, là tâm quang Phật kia nhiếp thủ không bỏ. *Phật tâm quang*: liền được nhiếp thủ bởi tâm của A Di Đà Phật, nên biết. *Thị nhân*: người có được tín tâm.

*Thường [nhiếp] hộ*: không bị Thiên ma ba tuần phá hại; không bị ác quỷ, ác thần nhiễu loạn, đó là do Đức Phật A Di Đà ‘nhiếp hộ bất xả’. *Nhiếp hộ bất xả*: một khi được nhiếp hộ thì không bao giờ bị bỏ rơi.

*Tổng bất luận chiếu nhiếp dư tạp nghiệp hành giả*: Tổng, là ý ‘tất cả, hết thảy’. Hết thảy người tạp hành tạp tu đều không được chiếu soi, không được nhiếp hộ. Đối với tất cả những người tạp hành tạp tu khác, họ không tin vào bản nguyện, cho nên họ không được quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu soi và nhiếp hộ, vì vậy họ không nhận được sự lợi ích của ‘nhiếp thủ bất xả’.



*Hiện sanh hộ niệm tăng thượng duyên*: người có tín tâm chân thật được [chư Phật] hộ niệm ngay trong đời này. Tăng thượng duyên: là duyên tố thù thắng làm cho vững chãi hơn.

**(12) Hoàng thái tử Thánh Đức ngự minh văn (皇太子聖德御銘文)<sup>27</sup>**

Ngự duyên khởi rằng: “*Cứu thế đại từ Quán Âm Bồ tát, diệu giáo lưu thông ở Đông phương Nhật Bản quốc, bốn mươi chín năm, truyền đăng diễn thuyết, đại từ đại bi, kính lễ Bồ tát.*”<sup>28</sup>

(Cứu thế đại từ Quán Âm Bồ tát, diệu giáo lưu thông Đông phương Nhật Bản quốc, tứ thập cửu tuế, truyền đăng diễn thuyết, đại từ đại bi, kính lễ Bồ tát. 救世大慈觀音菩薩, 妙教流通東方日本國, 四十九歲, 傳燈演說, 大慈大悲, 敬禮菩薩.)

“*Thánh nhân nước Tân La là Nhật La lay và thừa: Kính lay Cứu thế Quán Âm Đại Bồ tát, Truyền đăng Đông phương Túc Tán Vương.*”<sup>29</sup>

---

<sup>27</sup> Thánh Đức Thái Tử Truyền Lịch: “Vào năm thứ năm, tháng tư của mùa hè, nước Bách Tế đã cử một sứ thần, vương tử A Tá (阿佐), đến để tỏ lòng tôn kính với Thiên hoàng. A Tá nói, “Tôi nghe nói rằng có một vị thánh nhân trong vương quốc của ngài. Tôi muốn tỏ lòng kính trọng của mình.” Khi thái tử nghe điều này, đã triệu tập A Tá đến cung điện. A Tá rất kính sợ cúi lạy khi nhìn thấy khuôn mặt của thái tử, rồi lòng bàn tay phải và trái, rồi gót chân phải và trái của thái tử. Sau khi cúi lạy thêm hai lần nữa, hoàng tử rời khỏi sân. Vương tử A Tá quỳ xuống đất bằng đầu gối phải, chắp tay và cung kính thưa, ‘Đấng cứu thế đại từ Quán Âm Bồ tát, diệu giáo lưu thông, phương Đông Nhật quốc, bốn mươi chín tuổi, truyền đăng diễn thuyết, đại từ đại bi, kính lay Bồ tát.’ Thái tử nhắm mắt lại một lúc, từ giữa hai lông mày phát ra ánh sáng trắng, dài chừng ba trượng, rồi thu lại ba lần. A Tá sợ hãi đến mức đứng dậy và cúi lạy lần nữa, rồi rời đi sau hai bước. A Tá là một dị nhân, có thể thông hiểu Nho Thích và thiên văn học, vì yêu mến đức hạnh của thái tử mà ở lại phục vụ thái tử trong một thời gian dài.”

<sup>28</sup> Câu lễ tán của vương tử A Tá gần như giống hệt nhau trong sách Thánh Đức Thái Tử Truyền Lịch (聖德太子傳歷) và Thượng Cung Thái Tử Ngự Ký (上宮太子御記).

<sup>29</sup> Bạc hiền giả Đạt Suất Nhật La (達率日羅) của nước Bách Tế theo triệu sứ của triều ta là Cát bị hải bộ vũ đảo (吉備海部羽嶋) về đến triều đình. Người này dũng cảm và tháo vát, thân hình sáng như ngọn lửa. Thiên Hoàng ra lệnh cử A bội thần mục (阿倍臣目), Vật bộ chí tử đại liên (物部贄子大連), Đại bạn tao thủ tử liên (大伴糟手子連)

(Tân La quốc thánh nhân Nhật La lễ viết: Kính lễ cứu thế Quán Âm Đại Bồ tát, truyền đấng Đông phương Túc Tán Vương. 新羅國聖人日羅禮曰: 敬禮救世觀音大菩薩, 傳燈東方粟散王.<sup>30</sup>)

*Ngự duyên khởi*: duyên khởi của Thánh Đức Thái tử.

*Bách Tế quốc*: tên đất nước nơi Thánh Đức Thái tử sanh ra ở đời trước.<sup>31</sup>

*Thánh Minh Vương*: tên của quốc vương Bách Tế khi Thánh Đức Thái tử đang ở đó.<sup>32</sup>

---

và những người khác đến hỏi thăm tình hình quốc gia với Nhật La. Thái tử nghe Nhật La có dị tướng, tâu với Thiên Hoàng rằng, “Con muốn theo sứ thần và những người khác đến Nan Ba Quán, nhưng xem ông ta như một con người.” Thiên Hoàng không hứa khả. Thái tử đã bí mật hỏi ý Hoàng tử, lén ra ngoài theo các đồng tử, đi vào Nan Ba Quán. Nhật La nằm trên giường, nhìn quanh bốn phía, chỉ vào thái tử, ông nói, “Thằng bé đó là thần nhân.” Lúc đó, thái tử mặc áo vải thô, mặt lấm lem, đeo dây thừng, sống cạnh con ngựa và máng ăn của nó. Nhật La sai người đến dẫn đường, thái tử sợ hãi bỏ đi. Nhật La cúi lạy từ xa, cởi giày và bước đi. Các quan đại phu lấy làm lạ, bước ra khỏi cửa để xem, liền biết là thái tử. Thái tử núp sau tòa ngồi, thay áo rồi bước ra. Nhật La ngưỡng mộ, cúi lạy hai lần. Các quan đại phu cũng kinh ngạc, tạ tội cúi lạy, theo lễ nghi đi vào. Thái tử từ chối và đi thẳng vào phòng Nhật La. Nhật La quỳ trên mặt đất, chấp tay và nói, “Kính lễ cứu thế Quán Âm đại Bồ tát, truyền đấng Đông phương Túc Tán Vương.” Không ai nghe lời này. Thái tử sửa sang lại diện mạo, gấp chiếc chuông lại và cảm ơn. Nhật La đại phóng thân quang, rực rỡ như lửa cháy. Giữa chạng vạng của thái tử phóng quang, giống như tia sáng mặt trời, chấm dứt trong giây lát. Thái tử nói với Nhật La, “Đời tôi khi kết thúc, đáng tiếc là bị giết. Thánh nhân không tránh khỏi, và tôi cũng vậy.” Họ nói chuyện suốt đêm nhưng không ai được biết. Ngày mai, thái tử sẽ trở lại cung điện. Tháng 12 mùa đông, vào lúc chạng vạng, người dân Tân La đã giết Nhật La. Khi vẫn chưa chết, Nhật La nói: “Đây là điều mà tôi đã bắt nô lệ của mình làm, không phải người dân Tân La.” Nói xong rồi chết. Thái tử lần đầu tiên nghe được chuyện này, đã nói với hai bên tả hữu: “Nhật La Thánh nhân, ông thuở xưa là đệ tử của con trai tôi ở nhà Hán. Ông luôn tôn thờ thần mặt trời, vì vậy cơ thể ông tỏa ánh sáng. Kẻ oán thù không tha, đoạt mạng mới kết thúc. Sau khi xả mạng ắt sanh thiên thượng.

<sup>30</sup> Hai câu tiếp theo là: Cưỡi từ Tây phương đến đản sanh, Diển thuyết diệu pháp độ chúng sanh. (Giá tùng Tây phương lai đản sanh, Diển thuyết diệu pháp độ chúng sanh. 駕從西方來誕生, 演說妙法度眾生.)

<sup>31</sup> Bách Tế (Tiếng Hàn: 백제 hay Baekje; Hanja: 百濟, (18 TCN – 660 CN) là một vương quốc nằm tại tây nam bán đảo Triều Tiên. Đây là một trong Tam Quốc Triều Tiên, cùng với Cao Câu Ly (高句麗, Goguryeo) và Tân La (新羅, Silla). Bách Tế do Ôn Tộ (Onjo) thành lập, ông là người con trai thứ ba của người sáng lập Cao Câu Ly là Chu Mông (Jumong) và Triệu Tây Nô (So Seo-no), tại thành Úy Lễ (Wiryesong, nay ở phía nam Seoul) (thực ra là con riêng của So Seo-no). Bách Tế, cũng giống như Cao Câu Ly, tự tuyên bố mình là quốc gia kế thừa của Triều Tiên cổ, ông được vợ thứ hai của Chu Mông đưa xuống phía nam lập nước cùng với anh trai, một vương quốc được lập nên trên phần lãnh thổ Mãn Châu ngày nay sau khi Triều Tiên cổ sụp đổ. Bách Tế cùng với Cao Câu Ly và Tân La, có lúc chiến tranh và cũng có lúc liên minh với nhau. Vào thời kỳ đỉnh cao của mình, khoảng thế kỷ 4, Bách Tế kiểm soát hầu hết miền tây bán đảo Triều Tiên, phía bắc lên đến Bình Nhưỡng, và thậm chí có thể đã từng kiểm soát một số lãnh thổ tại Trung Quốc ngày nay, chẳng hạn như Liêu Tây, song điều này vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Bách Tế cũng trở thành một thế lực hàng hải đáng kể trong khu vực, cùng các quan hệ chính trị và thương mại với Trung Hoa và Nhật Bản. Năm 660, Bách Tế bị đánh bại bởi một liên minh giữa nhà Đường và Tân La.

*Thái tử A Tá lễ kính viết*<sup>33</sup>: A Tá là tên Thái tử của Thánh Minh Vương. Thánh Minh Vương rất yêu thương và đau buồn cố Thánh Đức Thái tử. Ông đã đúc một bức tượng đồng thau của Quán Thế Âm Bồ tát theo hình ảnh của cố Thánh Đức Thái tử. Khi nghe tin Thánh Đức Thái tử sẽ tái sinh ở Nhật Bản, ông đã cử con trai mình là A Tá Thái tử làm sứ thần của hoàng gia để tặng bức tượng đồng thau của Quán Thế Âm Bồ tát. Bấy giờ, A Tá Thái tử đã cúi lạy Thánh Đức Thái tử và nói, “Kính lễ cứu thế Quán Thế Âm Bồ tát.”

*Diệu giáo lưu thông Đông phương Nhật quốc*: Thượng Cung Thái tử (Thánh Đức Thái tử) là người truyền bá Phật pháp tại Nhật Bản.

*Tứ thập cửu tuế*: A Tá Thái tử nói rằng Thượng Cung Thái tử sẽ ở lại Nhật Bản cho đến khi ông bốn mươi chín tuổi. Bức tượng đồng thau quý giá của Đấng Cứu Thế Quán Âm được an trí ở kim đường của chùa Tứ Thiên Vương.

*Truyền đăng diễn thuyết*: *Truyền đăng*, là nói Phật pháp như ngọn đèn. *Diễn thuyết*, là lời bảo đảm của A Tá Thái tử rằng Thánh Đức Thái tử sẽ diễn thuyết lời dạy của Phật.

Nhật La Thánh nhân từ Tân La ngưỡng mộ Thánh Đức Thái tử, đi đến Nhật Bản để kính lễ Thánh Đức Thái tử, thưa rằng, “*Kính lễ Cứu thế Quán Âm Đại Bồ tát*”. Điều đó có nghĩa là Thánh Đức Thái tử là một hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm.

---

<sup>32</sup> Thánh Vương, Minh Vương hay Thánh Minh Vương (聖明王, Seong of Baekje, mất 554, trị vì 523–554) là vị quốc vương thứ 26 của Bách Tế, một trong Tam Quốc Triều Tiên. Ông là vương tử của Bách Tế Vũ Ninh Vương. Ông đã đưa Phật giáo lên làm quốc giáo, dời đô, và đã thành công trong việc khai hoang vùng đất ở trung tâm bán đảo Triều Tiên. Vào năm thứ 3 của Thôi Cổ (推古, Suiko), con trai thứ ba của Thánh Minh Vương của nước Bách Tế, Lâm Thánh Thái tử (琳聖太子), đã nói trong giấc mơ, “Có một hoàng tử, Thánh Đức Thái tử, là hiện thân của Bồ tát Quán Thế Âm ở quốc gia Đông Hải (Nhật Bản). Ngài đã sửa đổi vương pháp để cai trị quốc gia. Và tôi là sao Bắc Đẩu.” Giấc mơ này đã truyền cảm hứng cho Lâm Thánh Thái tử đi đến Nhật Bản.

<sup>33</sup> Bách Tế quốc Thánh Minh Vương Thái tử A Tá lễ viết: Kính lễ cứu thế đại từ Quán Âm Bồ tát, diệu giáo lưu thông Đông phương Nhật Bản quốc, tứ thập cửu tuế, truyền đăng diễn thuyết. 百濟國聖明王太子阿佐禮曰: 敬禮救世大慈觀音菩薩, 妙教流通東方日本國, 四十九歲傳燈演說.

*Truyền đấng Đông phương*: *Truyền đấng*, là so sánh Phật pháp như ngọn đèn. *Đông phương*, chỉ cho Nhật Bản; Nhật La cho biết ngọn đèn Phật pháp sẽ đến Nhật Bản.

*Túc Tán Vương*: tiểu vương của một tiểu quốc. *Túc tán*: tiểu quốc giống như những hạt kê tung rải<sup>34</sup>. A Tá Thái tử nói rằng, Thánh Đức Thái tử là vua của một tiểu quốc.

---

<sup>34</sup> So sánh với vũ trụ to lớn của cõi trời, tiểu quốc ở nhân gian nó nhỏ như một hạt kê rải trên đất. Vị vua của tiểu quốc gọi là Túc tán vương.

# TÔN HIỆU CHÂN TƯỢNG MINH VĂN

尊號真像銘文

No. 2656

Thân Loan Thánh nhân soạn

## Quyển Mạt

### (13) Thủ Lăng Nghiêm Viện Nguyên Tín Hòa thượng minh văn (首楞嚴院源信和尚銘文)

*“Con cũng ở trong sự nhiếp thủ [bắt xả] của Đức Phật A Di Đà, mặc dù con mắt bị phiền não làm chướng ngại khiến con không nhìn thấy [ánh sáng của Phật], nhưng tâm đại bi ‘không mệt mỏi’ của Phật thường chiếu thân con.”<sup>35</sup>*

(Ngã diệc tại bỉ nhiếp thủ chi trung, phiền não chướng nhãn tuy bất năng kiến, đại bi vô quyện thường chiếu ngã thân. 我亦在彼攝取之中, 煩惱障眼雖不能見, 大悲無倦常照我身.)

*Ngã diệc tại bỉ nhiếp thủ chi trung:* Con cũng ở trong quang minh nhiếp thủ của Đức Phật A Di Đà.

---

<sup>35</sup> Ibid., quyển trung, tr. 56a23.

*Phiền não chướng nhãn*: con mắt của chúng ta bị phiền não làm chướng ngại.

*Tuy bất năng kiến*: tuy rằng con mắt ‘phiền não’ không thể thấy được Phật.

*Đại bi vô quyện*: ân đức của đại từ đại bi thì không biết mệt mỏi, không bao giờ từ bỏ.

*Thường chiếu ngã thân*: *Chiếu*, quang minh vô ngại thường chiếu soi người có tín tâm. *Thường chiếu*, là thường hộ trì. *Ngã thân*, là tâm đại từ đại bi không biết mệt mỏi, thường chiếu thân con.

Đoạn văn này hiển thị ý nghĩa ‘nhiếp thủ bất xả’, cũng là Hòa thượng Nguyên Tín giải thích cho câu “Niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”<sup>36</sup> trong Quán Kinh.

#### (14) Nhật Bản Nguyên Không Thánh nhân chân ảnh (日本源空聖人真影)

Tứ Minh Sơn<sup>37</sup>, Quyền luật sư<sup>38</sup> Lưu Quan<sup>39</sup> ca ngợi:

---

<sup>36</sup> Niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả (念佛眾生, 攝取不捨). Quang minh của Đức Phật A Di Đà soi chiếu mười phương thế giới mà không có bất cứ trở ngại nào, nhưng mục đích chính của quang minh là nhiếp thủ ‘chúng sanh niệm Phật’, không bỏ rơi họ. Người niệm Phật sẽ được quang minh của Đức Phật A Di Đà bảo hộ suốt đời, và khi lâm chung, Đức Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn người đó. Như Kinh A Di Đà đã nói: “Người ấy lúc sắp chết, Đức Phật A Di Đà cùng với các vị Thánh giả hiện ra trước mắt.”

<sup>37</sup> Tứ Minh Sơn (四明山) là biệt danh của Tỳ Duệ Sơn.

<sup>38</sup> Luật sư là vị trí dưới Tăng chánh, Tăng đồ, là quan chức thống lãnh Tăng ni, là tăng quan tương đương Điện thượng nhân (殿上人, tenjōbito, những cận thần được phép ra vào cung cấm) ở cấp bậc thứ năm. Quyền, có nghĩa là phó quan.

<sup>39</sup> Lưu Quan (劉官) tức là Long Khoan (隆寬, Ryūkan, 1148-1227): vị Tăng của Tịnh Độ Tông sống vào khoảng đầu thời đại Liêm Thương, húy là Long Khoan (隆寬) vị Tổ của Đa Niệm Nghĩa (多念義) thuộc Dòng Trường Lạc Tự (長樂寺流), tên tục là Sơn Viễn Lý (山遠里, tên khi bị lưu đày), hiệu là Giai Không Phòng (皆空房), Vô Ngã (無我), Già Đà Ba La Ma (伽陀婆羅摩), xuất thân vùng Kyoto, con trai thứ 3 của vị quan Thiếu Nạp Ngôn Đằng Nguyên Tư Long (少納言藤原資隆). Ông theo người chú Hoàng Viên (皇圓) và Phạm Nguyên (範源) ở trên Tỳ Duệ Sơn học Thiên Thai Tông, sau đó thì theo hầu Nguyên Không (源空), và đến năm 1204 thì được cho biên chép bộ Tuyển Trạch Tập (選擇集). Ông đến sống ở Trường Lạc Tự (長樂寺, Chōraku-ji) thuộc vùng Sơn Thành (山城, Yamashiro), chủ trương về Đa Niệm Nghĩa, và đã từng cùng với Định Chiếu (定照) ở Diên Lịch Tự (延曆寺, Enryaku-ji) luận tranh về

*“Khuyên khắp đạo tục niệm Di Đà Phật  
Thường niệm đều thấy hóa Phật Bồ tát  
Biết xưng danh là yếu thuật vãng sanh  
Lành thay Nguyên Không mộ đạo hóa vật  
Tín châu tại tâm, tâm soi mê cảnh  
Nghĩ vân sáng trong, Phật quang viên đánh.”*

Kiến Lịch, ngày 1 tháng 3 năm Nhâm Thân

(Phổ khuyên đạo tục niệm Di Đà Phật  
Năng niệm giai kiến hóa Phật Bồ tát  
Minh tri xưng danh vãng sanh yếu thuật  
Nghĩ tai Nguyên Không mộ đạo hóa vật  
Tín châu tại tâm tâm chiếu mê cảnh  
Nghĩ vân vĩnh tình Phật quang viên đánh.

普勸道俗念彌陀佛  
能念皆見化佛菩薩  
明知稱名往生要術  
宜哉源空慕道化物  
信珠在心心照迷境  
疑雲永晴佛光圓頂.)

---

Tuyển Trạch Tập. Vào năm 1227, ông bị đày tội và xử trảm. Trước tác của ông để lại có Di Đà Bản Nguyên Nghĩa (彌陀本願義) 4 quyển, Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự (一念多念分別事) 1 quyển, Cụ Tam Tâm Nghĩa (具三心義) 2 quyển, Cực Lạc Tịnh Độ Tông Nghĩa (極樂淨土宗義) 2 quyển, Diệt Tội Kiếp Số Nghĩa (滅罪劫數義) 1 quyển, v.v.

*Phổ khuyến đạo tục niệm Di Đà Phật: Phổ khuyến*, là khuyên dạy rộng rãi. *Đạo*, là tỳ kheo và tỳ kheo ni. *Tục*, là người nam tín hành Phật pháp và người nữ tín hành Phật pháp. *Niệm Di Đà Phật*: xưng niệm tôn hiệu.

*Năng niệm giai kiến hóa Phật Bồ tát: Năng niệm*: là năng niệm tôn hiệu, và năng niệm tức là thâm tín. *Giai kiến*: người nào muốn thấy hóa Phật, hóa Bồ tát thì đều chào hỏi. *Hóa Phật Bồ tát*: hóa Phật là hóa thân của Đức Phật A Di Đà, và Bồ tát là Thánh chúng như Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v.

*Minh tri xưng danh vãng sanh yếu thuật*: biết rõ rằng xưng niệm danh hiệu Đức Phật là yếu thuật vãng sanh, và yếu thuật vãng sanh thì không gì qua việc xưng niệm danh hiệu của Như Lai.

*Nghi tai Nguyên Không mộ đạo hóa vật: Nghi tai*, là tốt lành, hay đẹp. *Nguyên Không*, là pháp danh của Pháp Nhiên Thượng nhân. *Mộ đạo*, là hân mộ đạo vô thượng. *Hóa vật*, là lợi ích chúng sanh.

*Tín châu tại tâm*: lấy bảo châu cao quý để ví cho tín tâm kim cương. Một người có được bảo châu tín tâm nơi tâm trí, thì bóng tối sanh tử không làm cho mê hoặc, gọi đó là ‘tâm chiếu mê cảnh’.

*Tâm chiếu mê cảnh*: lấy bảo châu tín tâm soi sáng để xua tan bóng tối ngu si.

*Nghi vân vĩnh tình: Nghi vân*: tâm hoài nghi ‘nguyện lực’ được ví như mây. *Vĩnh tình*: mây ‘nghi tâm’ vĩnh viễn sáng trong, thì chắc chắn vãng sanh Tịnh độ An Lạc.

Vô Ngại Quang Phật dùng tâm quang ‘nhiếp thủ bất xả’ mà thường chiếu hộ người có được tín tâm, gọi đó là ‘Phật quang viên đánh’<sup>40</sup>.

*Phật quang viên đánh*: ánh sáng của Phật tâm thường soi sáng người lãnh thọ tín tâm.

---

<sup>40</sup> Viên đánh (圓頂): đầu tròn; tức là sau khi xuống tóc, hiện ra hình tướng của người xuất gia, tượng trưng cho tướng xa lìa phiền não. Vì vậy, vị tu sĩ xuất gia còn có tên gọi là “viên đánh phương bào” (圓頂方袍, đầu tròn áo vuông).



**(15) Hắc Cốc Nguyên Không Thánh nhân chân tượng (黑谷源空聖人真像)**

Núi Tỳ Duệ, chùa Diên Lịch, viện Bảo Tràng, Hắc Cốc Nguyên Không Thánh nhân chân tượng.

Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập nói:

*“Nam mô A Di Đà Phật – Chánh nghiệp vãng sanh lấy niệm Phật làm căn bản.”*

(Nam mô A Di Đà Phật – vãng sanh chi nghiệp, niệm Phật vi bản. 南無阿彌陀佛 – 往生之業, 念佛為本.)

Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập do Thánh nhân Nguyên Không sáng tác.

*Nam mô A Di Đà Phật – vãng sanh chi nghiệp, niệm Phật vi bản:* là nói chánh nhân để vãng sanh Tịnh độ An Dưỡng lấy niệm Phật làm căn bản.<sup>41</sup> *Chánh nhân*, là nhân tố sanh về Tịnh độ.

Lại nói:

*“Muốn mau thoát sinh tử  
Trong hai thứ thắng pháp  
Nên bỏ môn Thánh đạo<sup>42</sup>*

---

<sup>41</sup> Niệm Phật vi bản (念佛為本): nghiệp nhân vãng sanh Tịnh độ An Lạc lấy nhất hạnh xưng danh niệm Phật – chánh định nghiệp của bản nguyện của Đức Phật A Di Đà – làm căn bản.

<sup>42</sup> Tuyển Trạch Tập, phẩm Hai Môn: “Pháp tu Thánh đạo, hiện nay rất khó chứng đắc, một là vì thời đại đã cách Phật rất lâu xa, hai là do nghĩa lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng có nói: “*Trong thời mạt pháp, có ỨC ỨC CHÚNG SINH PHÁT TÂM TU HÀNH, NHƯNG CÓ RẤT ÍT NGƯỜI ĐẮC ĐẠO.*” (tr. 1b11) Theo ngài Nguyên Không, Thánh đạo là giáo pháp Đại thừa và Tiểu thừa. Đại thừa giáo có Hiển, Mật, Quyền, Thật, chi tiết thì có 8 tông phái: Chân

*Mà chọn môn Tịnh độ.  
Muốn vào môn Tịnh độ  
Trong hai hạnh chánh tạp  
Hãy bỏ các tạp hành  
Chọn về đúng chánh hành.<sup>43</sup>  
Nếu muốn tu chánh hành  
Trong hai nghiệp chánh trợ  
Gạt một bên trợ nghiệp  
Chọn chuyên tu chánh định.<sup>44</sup>  
Và nghiệp của chánh định  
Tức là xưng danh Phật  
Xưng danh ắt vãng sanh  
Vì nương bản nguyện Phật.”<sup>45</sup>*

(Dục tốc ly sanh tử  
Nhị chủng thắng pháp trung  
Thả các Thánh đạo môn  
Tuyển nhập Tịnh độ môn.  
Dục nhập Tịnh độ môn  
Chánh tạp nhị hành trung

---

Ngôn, Thiên, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, Địa Luận, Nhiếp Luận. Tiểu thừa giáo. Tiểu thừa giáo bao gồm các tông phái như Luật tông, Câu-xá tông và Thành Thật tông.

<sup>43</sup> Năm chánh hành (五正行) do tông Tịnh độ lập ra cho người tu hành pháp môn niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ. Đó là: 1. Chánh hành đọc tụng; 2. Chánh hành quán xét; 3. Chánh hành lễ bái; 4. Chánh hành xưng danh; 5. Chánh hành tán thán cúng dường. Năm hành này căn cứ vào 3 bộ kinh Tịnh độ, chỉ thực hành những hành hướng về Đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc phương Tây, cho nên gọi là Chánh hành. Trái lại, làm 5 việc trên đối với các Đức Phật khác, Bồ tát khác thì gọi là Tạp hành.

<sup>44</sup> Bốn trong năm chánh hành là phụ trợ, và chánh hành còn lại là quan trọng nhất. Sau đó, hãy tạm gác bốn hành đó sang một bên và tập trung vào hành cơ bản và quan trọng nhất, đó là xưng danh.

<sup>45</sup> Ibid., chương Ân Cần Phó Chúc, tr. 18c19.

Thả phao chur tạp hành  
Tuyển ứng quy chánh hành.  
Dục tu ư chánh hành  
Chánh trợ nhị nghiệp trung  
Do bàng ư trợ nghiệp  
Tuyển ứng chuyên chánh định.  
Chánh định chi nghiệp giả  
Tức thị xưng Phật danh  
Xưng danh tất đắc sanh  
Y Phật bản nguyện cố.

欲速離生死  
二種勝法中  
且攔聖道門  
選入淨土門。  
欲入淨土門  
正雜二行中  
且拋諸雜行  
選應歸正行。  
欲修於正行  
正助二業中  
猶傍於助業  
選應專正定。  
正定之業者  
即是稱佛名  
稱名必得生

依佛本願故.)

*Dục tốc ly sanh tử*: muốn ly khai sanh tử luân hồi ngay trong đời này.

*Nhị chủng thắng pháp trung, Thả các Thánh đạo môn*: *Nhị chủng thắng pháp*, là hai môn Thánh đạo và Tịnh độ. *Thả các*, là tạm gác sang một bên; tạm gác bỏ Thánh đạo môn.

*Tuyển nhập Tịnh độ môn*: trong tất cả thiện pháp, tuyển trạch mà đi vào Tịnh độ môn.

*Chánh tạp nhị hành trung, Thả phao chur tạp hành*: trong hai thứ hành môn: chánh và tạp, tạm vứt bỏ, gác lại mọi thứ tạp hành.

*Tuyển ứng quy chánh hành*: sau khi tuyển trạch, quy nhập chánh hành.

*Dục tu u chánh hành, Chánh trợ nhị nghiệp trung, Do bàng u trợ nghiệp*: nếu muốn tu tập chánh hành, thì trong hai nghiệp: chánh nghiệp và trợ nghiệp, hãy gác bỏ trợ nghiệp.

*Tuyển ứng chuyên chánh định*: chọn tu chánh định nghiệp, trọn không có hai tâm.

*Chánh định chi nghiệp giả, Tức thị xưng Phật danh*: nghiệp nhân của chánh định chính là xưng niệm danh hiệu Đức Phật. Nhân của chánh định, là nhân tố quyết định đưa đến sự chứng ngộ Vô thượng Niết bàn.

*Xưng danh tất đắc sanh, Y Phật bản nguyện cố*: Những ai xưng niệm danh hiệu Đức Phật sẽ được vãng sanh Tịnh Độ An Dưỡng, vì y theo bản nguyện của Đức Phật.

Lại nói:

“*Nên biết, nhà sanh tử lấy nghi ngờ làm chỗ dừng; thành Niết bàn lấy lòng tin để đi vào.*”

(Đương tri, sanh tử chi gia, dĩ nghi vi sở chỉ; niết bàn chi thành, dĩ tín vi năng nhập. 當知, 生死之家, 以疑為所止; 涅槃之城, 以信為能入.)

*Đương tri, sanh tử chi gia*: nên biết rằng, ngôi nhà sanh tử ấy.

*Dĩ nghi vi sở chỉ*: bởi vì có sự hoài nghi đại nguyện lực bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà mà chúng sanh dừng lại ở sáu đường, bốn loài, hai mươi lăm hữu.<sup>46</sup> Nên biết, đó là do mê lầm vậy.

*Niết bàn chi thành*: là Tịnh độ An Dưỡng. Ở đây nói, “*Niết bàn chi thành, dĩ tín vi năng nhập*”, nghĩa là chỉ có những người có được tín tâm chân thật mới có thể đi vào Thật báo độ của bản nguyện, nên biết như vậy.

## (16) Pháp Ấn Thánh Giác Hòa thượng minh văn (法印聖覺和尚銘文)

“*Ôi, căn có lợi độn, giáo có tiệm đốn, cơ có chậm mau, hành có khó dễ. Nên biết, Thánh đạo chư môn là tiệm giáo, lại khó hành. Tịnh độ nhất tông là đốn giáo, lại dễ hành. Cái gọi là hành của Chân ngôn và Chỉ quán<sup>47</sup>, tánh vượn khỉ khó học; giáo của Tam luận và Pháp tướng, mắt bò dê thì dễ làm. Nhưng đến Tông của ta, Di Đà bản nguyện, định hành nhân nơi mười niệm; Thiện Đạo liệu giản<sup>48</sup>, quyết khí lượng ở ba tâm. Tuy chẳng lợi trí tinh tiến, chuyên niệm thực sự dễ siêng, tuy*

<sup>46</sup> Thập Trụ Tỳ bà sa Luận, Bồ tát Long Thọ nói: “Nếu người trồng thiện căn, Nghi thì hoa không nở. Người tín tâm thanh tịnh, Hoa nở thì thấy Phật.” (tr. 43b18)

<sup>47</sup> Chỉ quán ám chỉ Thiên thai tông, vì chỉ (xa ma tha) và quán (tỳ bát xá na) là pháp môn thực tiễn của Thiên thai tông. Ngưng bật hết thấy ngoại cảnh và vọng niệm, chuyên chú vào một đối tượng duy nhất (Chỉ), đồng thời, sanh khởi trí tuệ chân chánh để quán xét đối tượng duy nhất ấy (Quán), gọi là Chỉ quán, tức chỉ cho hai pháp Định và Tuệ.

<sup>48</sup> Liệu giản (料簡): Cũng gọi Liễu giản (了簡), Lượng giản (量簡), Lượng kiến (量見), Liệu kiến (料見). Khéo phân biệt, lựa chọn chánh pháp. (1) Tiếng dùng của Thiên thai tông Nhật Bản. Vì trong văn kinh có những chỗ mâu thuẫn trái ngược nhau, nên phải đặt phương pháp để điều hòa và giải thích rõ ràng những mâu thuẫn ấy, gọi là Liệu giản. (2) Thông thường chỉ cho sự lý giải một cách rộng rãi, sâu xa.

*chẳng đa văn quảng học, tín lực nào đâu không đủ. [...] Nhưng Đại sư Thánh nhân của tôi, là sứ giả của Thích Tôn, hoằng truyền một môn Niệm Phật, là tái đản<sup>49</sup> của Thiện Đạo, khuyến hóa một hạnh Xưng danh. Thực hành chuyên tu chuyên niệm, từ đây rộng dần; siêng năng không hở không sót, ngày nay mới biết. Vậy mà, bọn phá giới tội căn, hãy kè vai vào đường vãng sanh, loại hạ trí thiên tài, hãy vung tay đến cửa Tịnh độ. Thành thật biết rằng, có đèn đuốc lớn cho đêm dài vô minh, sao buồn mắt trí mờ; có thuyền bè to cho biển cả sanh tử, đâu lo nghiệp chướng nặng. Nghĩ về ân đức giáo thọ, thật bằng bi nguyện Di Đà. Nát xương nên đèn đáp, tan thân cũng cảm ơn.”*

(Phù căn hữu lợi độn giả, giáo hữu tiêm đốn, cơ hữu xa xúc giả, hành hữu nan dị. Đương tri Thánh đạo chư môn tiêm giáo dã, hựu nan hành dã. Tịnh độ nhất tông giả đốn giáo dã, hựu dị hành dã. Sở vị Chân ngôn Chỉ quán chi hành, di hầu tình nan học; Tam luận Pháp tướng chi giáo, ngư dương nhãn dị mê. Nhiên chí ngã tông giả, Di Đà bản nguyện, định hành nhân ưu thập niệm; Thiện Đạo liễu giải, quyết khí lượng ưu tam tâm. Tuy phi lợi trí tinh tiến, chuyên niệm thật dị cần. Tuy phi đa văn quảng học, tín lực hà bất bị. [nãi chí] Nhiên ngã đại sư Thánh nhân, vi Thích Tôn chi sứ giả, hoằng niệm Phật nhất môn, vi Thiện Đạo chi tái đản, khuyến xưng danh nhất hạnh. Chuyên tu chuyên niệm chi hành, tự thử tiêm hoằng; vô gián vô dư chi cần, tại kim thủy tri. Nhiên tắc, phá giới tội căn chi bối, gia kiên nhập vãng sanh chi đạo; hạ trí thiên tài chi loại, chấn tí phó tịnh độ chi môn. Thành tri, vô minh trường dạ chi đại đăng cự dã, hà bi trí nhãn ám; sanh tử đại hải chi đại thuyền phiệt dã, khởi phiền nghiệp chướng trọng. Thiển tư giáo thụ chi ân đức, thật đẳng Di Đà bi nguyện. Phấn cốt khả báo chi! Tồi thân khả tạ chi. 夫根有利鈍者, 教有漸頓, 機有奢促者, 行有難易. 當知聖道諸門漸教也, 又難行也. 淨土一宗者

<sup>49</sup> Tái đản (再誕): sự sống lại, như phục hoạt (復活).

頓教也, 又易行也. 所謂真言止觀之行, 獼猴情難學; 三論法相之教, 牛羊眼易迷. 然至我宗者, 彌陀本願, 定行因於十念; 善導料簡, 決器量於三心. 雖非利智精進, 專念實易勤. 雖非多聞廣學, 信力何不備. [乃至] 然我大師聖人, 為釋尊之使者, 弘念佛一門. 為善導之再誕, 勸稱名一行. 專修專念之行, 自此漸弘; 無間無餘之勤, 在今始知. 然則, 破戒罪根之輩, 加肩入往生之道; 下智淺才之類, 振臂赴淨土之門. 誠知, 無明長夜之大燈炬也, 何悲智眼闇. 生死大海之大船筏也, 豈煩業障重. 倩思教授之恩德, 實等彌陀悲願. 粉骨可報之! 摧身可謝之!

*Phù căn hữu lợi độn giá:* căn tánh chúng sanh có lợi, có độn. *Lợi*, là người có tâm sáng lành, *Độn*, là người có tâm tối chậm.

*Giáo hữu tiệm đốn:* theo căn tánh chúng sanh, Phật dạy có tiệm, có đốn. *Tiệm*, là tiệm thứ tu Phật đạo, trải qua ba vô số kiếp, trăm đại kiếp mới thành tựu Phật quả. *Đốn*, là ở thế giới Ta Bà, ngay thân này đốn tức thành Phật; đó là sự chứng đắc trong Thiên tông, Mật tông, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, v.v.

*Cơ hữu xa xúc giá:* *Xa*, là tâm chậm chạp. *Xúc*, là tâm lành lợi. Cho nên ‘hành hữu nan dị’.

*Hành hữu nan dị:* xét về ‘hành’ mà nói, có khó (nan), có dễ (dị). *Nan*, là hành tự lực của Thánh đạo môn. *Dị*, là hành tha lực của Tịnh độ môn.

“*Đương tri Thánh đạo chư môn tiệm giáo dã, hựu nan hành dã. Tịnh độ nhất tông giá đốn giáo dã, hựu dị hành dã.*” (Nên biết, Thánh đạo chư môn là tiệm giáo, lại khó hành. Tịnh độ nhất tông là đốn giáo, lại dễ hành.)

*Sở vị Chân ngôn Chỉ quán chi hành:* Chân ngôn, là Mật giáo. Chỉ quán, là Pháp Hoa tông.

*Di hậu tình nan học:* tâm chúng ta ví như tâm vượn khỉ. Vô định như tâm vượn khỉ, nên sự thực hành của Chân ngôn và Pháp Hoa là khó tu, khó hành.

*Tam luận Pháp tướng chi giáo, nguơ dương nhãn dị mê:* con mắt của chúng ta ví như mắt bò, mắt dê. Giáo lý tự lực của Thánh đạo môn như Tam luận tông, Pháp tướng tông dễ khiến rối trí.

*Nhiên chí ngã tông giả:* Hòa thượng Thánh Giác nói: “Tịnh độ tông là lấy Thật báo độ của Di Đà bản nguyện làm chánh nhân, và khuyên dạy ‘nãi chí thập thanh’ hay ‘thập thanh xưng niệm’<sup>50</sup> thì sẽ đưa đến Vô thượng Bồ đề. Hòa thượng Thiện Đạo có dạy, ‘Đầy đủ ba tâm<sup>51</sup> này ắt sanh An Lạc’.” (ý của Duy Tín Sao)

*Tuy phi lợi trí tinh tiến:* ngay cả người không có trí tuệ, chẳng tinh tiến, độn căn và giải đãi, nếu có được tín tâm mà chuyên tu, chuyên niệm, thì chắc chắn sẽ được vãng sanh.

*Nhiên ngã đại sư Thánh nhân:* Hòa thượng Thánh Giác tôn xưng Pháp Nhiên Thượng nhân là ‘Đại sư Thánh nhân của tôi’.

*Vi Thích Tôn chi sứ giả, hoằng niệm Phật nhất môn:* tôn Pháp Nhiên Thượng nhân là sứ giả của Đức Thích Ca Như Lai, hoằng dương một môn niệm Phật.

*Vi Thiện Đạo chi tái đản, khuyến xưng danh nhất hạnh:* tôn Pháp Nhiên Thượng nhân là hậu thân của Hòa thượng Thiện Đạo, khuyến hóa một hạnh xưng danh niệm Phật.

*Chuyên tu chuyên niệm chi hành, tự thử tiệm hoằng; vô gián vô dư chi cần, tại kim thủy tri:* pháp môn ‘nhất hướng chuyên tu’<sup>52</sup> từ đây được hoằng khai.

---

<sup>50</sup> Thập niệm, còn gọi là ‘xưng danh thập niệm’ (稱名十念), ‘thập thanh xưng Phật’ (十聲稱佛), ‘thập thanh xưng niệm’ (十聲稱念), ‘thập thanh xưng Phật’ (十聲稱佛), ‘thập thanh xưng niệm Phật danh’ (十聲稱念佛名). Đây không phải là thật tướng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tướng niệm Phật hay vô tướng niệm Phật, mà là xưng danh niệm Phật. Khi xưng niệm danh hiệu Phật, dù niệm thầm hay niệm lớn tiếng, đều không thể tách rời danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Chủ yếu là phát ra tiếng, nên có câu ‘hạ chí thập thanh’ (tối thiểu mười tiếng) hay ‘nãi chí thập thanh’ (dù chỉ mười tiếng).

<sup>51</sup> Ba tâm: chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm.

<sup>52</sup> Nhất Hướng Chuyên Tu (一向專修): Dụng ngữ của Tịnh độ tông Nhật Bản, ý là toàn tâm chuyên chú vào pháp môn niệm Phật. Trong Tịnh độ tông Nhật Bản, đối với những hành giả ngoài xưng danh niệm Phật còn tu thêm những trợ hành như tụng kinh, quán tưởng và đánh lễ Đức Phật A Di Đà, được cho là ‘chuyên tu niệm Phật’ (專修念佛). Đối với những hành giả không thêm trợ hành, chỉ thực hành ‘xưng danh niệm Phật’, thì đó được gọi là ‘nhất



*Nhiên tắc, phá giới tội căn chi bối, gia kiên nhập vãng sanh chi đạo*: kẻ phá giới vô giới, bọn tội nghiệp thâm trọng đều được vãng sanh.

*Hạ trí thiên tài chi loại, chấn tí phó tịnh độ chi môn*: kẻ vô tài vô trí cũng đi vào Tịnh độ môn.

*Thành tri, vô minh trường dạ chi đại đặng cự dã, hà bi trí nhãn ám*: Quả thật, thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là ngọn đèn lớn soi sáng cho đêm dài vô minh, và không cần phải đau buồn vì không có trí tuệ.

*Sanh tử đại hải chi đại thuyền phiệt dã, khởi phiến nghiệp chướng trọng*: nguyện lực của Đức Phật A Di Đà là con thuyền lớn đưa người qua biển cả sanh tử, cho nên kẻ cực ác thâm trọng không cần phải lo rầu.

*Thiến tư giáo thụ chi ân đức, thật đặng Di Đà bi nguyện*: nghĩ về ân đức giáo thọ của Sư trưởng, thật là ngang bằng bi nguyện của Đức Phật A Di Đà.

*Phân cốt khả báo chi, tòi thân khả tạ chi*: Nhận thức được ân đức giáo đạo sâu nặng của Đại sư, thì dù tan xương cũng phải báo đáp, dù nát thân cũng phải cảm tạ.

Hãy thấy rõ và ghi nhớ những lời này của Hòa thượng Thánh Giác.

## **(17) Chánh Tín Kệ của Ngu Ngốc Thích Thân Loan**

*Bản nguyện danh hiệu<sup>53</sup> chánh định nghiệp<sup>54</sup>*

*Chí tâm tín lạc nguyện<sup>55</sup> làm nhân*

*Thành Đẳng giác, chứng Đại Niết bàn*

---

hướng chuyên tu', còn gọi là 'nhất hướng chuyên niệm' hay 'nhất hướng chuyên xưng'. Trong cuốn Nhất Niệm Đa Niệm Chứng Văn (一念多念証文) của Thân Loan Thánh nhân có nói: "Nhất tâm chuyên niệm: Nhất tâm là tín tâm Kim cương. Chuyên niệm là nhất hướng chuyên tu. Nhất hướng là không làm điều thiện nào khác, không niệm Đức Phật nào khác. Chuyên tu là siêng năng xưng niệm danh hiệu của bản nguyện mà không có hai tâm."

<sup>53</sup> Bản nguyện danh hiệu là nguyện 17.

<sup>54</sup> Chánh định nghiệp là xưng danh niệm Phật, vì thuận và hành theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, cho nên cho nên người tu nương vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, ắt sẽ vãng sanh Cực Lạc.

<sup>55</sup> Chí tâm tín lạc nguyện (至心信樂願) là nguyện 18.

*Tất chí diệt độ nguyện<sup>56</sup> thành tựu.<sup>57</sup>*  
*Như Lai sở dĩ hiện ở đời*  
*Chỉ nói Di Đà bản nguyện hải*  
*Thời ác năm trước biển quần sanh*  
*Phải tin lời thật của Như Lai.<sup>58</sup>*  
*Phát khởi một niệm tâm hỷ ái<sup>59</sup>*  
*Chẳng đoạn phiền não được Niết bàn*  
*Phàm Thánh, nghịch báng cùng hồi nhập*  
*Các sông vào biển một mùi vị*  
*Nhiếp thủ tâm quang thường soi giữ<sup>60</sup>*  
*Bóng tối vô minh bị phá vỡ*  
*Tham ái giận ghét làm mây mù*  
*Che bầu trời tín tâm chân thật<sup>61</sup>*  
*Khi mặt nhật bị mây mù che*  
*Dưới mây mù vẫn sáng không tối*  
*Được tin, thấy kính rất mừng vui<sup>62</sup>*  
*Liên vượt ngang<sup>63</sup> cắt năm đường ác.*

<sup>56</sup> Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願) là nguyện 11: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ định tụ, quyết đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

<sup>57</sup> Nhân quả vãng sanh.

<sup>58</sup> Bản hoài xuất thế của Đức Thích Ca.

<sup>59</sup> Một niệm tín tâm chân thật. Hỷ là hoan hỷ. Ái là ái lạc. Hỷ ái là tín lạc.

<sup>60</sup> Tâm quang nhiếp hộ (心光攝護): Ánh sáng từ tâm đức Phật A Di Đà phát ra chiếu soi và hộ trì hành giả niệm Phật. Quán niệm Pháp môn (Đại 47, 25 trung) nói: “Tâm quang của đức Phật kia thường chiếu soi người ấy, nhiếp hộ không bỏ, lại chiếu soi nhiếp hộ cả các hành giả tu những tạp nghiệp khác, đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm đời hiện tại.”

<sup>61</sup> Thực ra, bóng tối “vô minh” lẽ ra đã bị ánh sáng đại bi của Đức Phật A Di Đà tiêu diệt rồi. Tuy nhiên, một đám mây mù tham ái, giận ghét luôn bao phủ bầu trời của “tín tâm chân thật”. Tín tâm chân thật là niềm tin hướng về Đức Phật A Di Đà, đó không phải là niềm tin do chính mình tạo ra, mà là niềm tin nhận được từ bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

<sup>62</sup> Kinh Vô Lượng Thọ: “Người có tín tuệ khó, Nếu nghe siêng năng cầu, Nghe pháp được chẳng quên, Thấy kính rất mừng vui.” Kiến kính (見敬): gặp mặt, thể hiện sự kính lễ.

<sup>63</sup> Hoành siêu (橫超): Vượt ngang. Chỉ cho pháp môn không cần phải trải qua thứ tự các giai vị mà hành giả có thể đạt được Vô thượng Niết bàn một cách nhanh chóng. Một trong Nhị song tứ trùng giáo phán (二雙四重教判) của

(Bản nguyện danh hiệu chánh định nghiệp

Chí tâm tín lạc nguyện vi nhân

Thành Đẳng giác chứng đại Niết bàn

Tất chí diệt độ nguyện thành tựu

Như Lai sở dĩ hưng xuất thế

Duy thuyết Di Đà bản nguyện hải

Ngũ trước ác thời quần sanh hải

Ứng tín Như Lai như thật ngôn

Năng phát nhất niệm hỷ ái tâm

Bất đoạn phiền não đắc Niết bàn

Phàm thánh nghịch báng tề hồi nhập

Như chúng thủy nhập hải nhất vị

Nhiếp thủ tâm quang thường chiếu hộ

Dĩ năng tuy phá vô minh ám

Tham ái sân tắng chi vân vụ

Thường phú chân thật tín tâm thiên

Thí như nhật quang phú vân vụ

Vân vụ chi hạ minh vô ám

Hoạch tín kiến kính đắc đại khánh

---

Tịnh độ Chân tông Nhật bản. Pháp môn này tức là ý nghĩa chân thực của bản nguyện Di Đà. Ngài Thiện Đạo, Tổ sư của tông Tịnh độ Trung quốc, đã căn cứ vào ý nghĩa của câu: Hoành tiết ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế (横截五惡趣, 惡趣自然閉. Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên dứt) trong kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ (Đại 12, 274 trung) mà lập thuyết Hoành siêu đoạn tứ lưu (横超斷四流. Vượt ngang dứt bốn dòng), tức có hàm nghĩa Nhất thừa đốn giáo trong đó. Ngài Thân Loan, Tổ khai sáng của Tịnh độ Chân tông Nhật bản, noi theo thuyết của ngài Thiện Đạo, cho rằng Hoành siêu tức là ý nghĩa chọn Báo độ chân thực của bản nguyện thì liền được vãng sanh. Cũng tức là đối với bản nguyện của Phật Di Đà một lòng tin sâu, không hoài nghi, theo nguyện lực của Ngài mà tu hành, tâm không tán loạn, thì sau khi mạng chung sẽ trực tiếp được sinh về Báo độ chân thực. Vì Hoành siêu là nhờ vào bản nguyện tha lực của Phật nên bản nguyện của Ngài cũng được gọi là Hoành siêu đại thệ nguyện (横超大誓願). Ngoài ra, do sự hồi hướng bản nguyện lực của Tín tâm kim cương có khả năng cắt ngang 5 đường ác, siêu chứng Đại niết bàn, cho nên cũng gọi là Hoành siêu kim cương tâm (横超金剛心).

Tức hoành siêu tiệt ngũ ác thú.

本願名號正定業  
至心信樂願為因  
成等覺證大涅槃  
必至滅度願成就  
如來所以興出世  
唯說彌陀本願海  
五濁惡時群生海  
應信如來如實言  
能發一念喜愛心  
不斷煩惱得涅槃  
凡聖逆謗齊回入  
如眾水入海一味  
攝取心光常照護  
已能雖破無明闇  
貪愛嗔憎之雲霧  
常覆真實信心天  
譬如日光覆雲霧  
雲霧之下明無闇  
獲信見敬得大慶  
即橫超截五惡趣,)

*Bản nguyện danh hiệu chánh định nghiệp: thực hành ‘tuyển trạch bản nguyện’.*

*Chỉ tâm tín lạc nguyện vi nhân*: lấy tín tâm chân thật vào sự hồi hướng của A Di Đà Như Lai, và tín tâm ấy làm nhân cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*Thành Đẳng giác chứng đại Niết bàn*: Thành Đẳng giác: địa vị Chánh định tuệ. Đối với địa vị này, Bồ tát Long Thọ nói, “Tức thời nhập Tất định”<sup>64</sup>; Hòa thượng Đàm Loan nói, “Nhập vào số Chánh định tuệ”; đó là địa vị ngang hàng với Bồ tát Di Lạc. *Chứng đại Niết bàn*: ‘Tất chí diệt độ nguyện thành tựu’<sup>65</sup> cho nên nhất định chứng đại Bát Niết bàn.

*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế*: đề cập lý do chư Phật xuất hiện thế gian.

*Duy thuyết Di Đà bản nguyện hải*: bản hoài của chư Phật xuất hiện thế gian là chỉ vì diễn thuyết cái pháp ‘nhất thừa nguyện hải’ của Đức Phật A Di Đà. Thế nên, Đại Kinh nói: “*Như Lai sở dĩ xuất hiện thế gian là muốn cứu bạt quần manh, ban cho lợi ích chân thật.*” (Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi. 如來所以興出於世, 欲拯群萌, 惠以真實之利.) *Như Lai*, chỉ cho chư Phật. *Sở dĩ*, là nguyên nhân, lý do. *Hưng xuất thế*: sự xuất hiện của chư Phật nơi thế gian. *Dục chứng quần manh*: *Dục*, là nghĩ đến, mong muốn. *Chứng*, là cứu vớt. *Quần manh*, là tất cả chúng sanh.<sup>66</sup> Thật tốt khi biết rằng lý do

---

<sup>64</sup> Tức thời nhập Tất định (即時入必定): Hành giả Niệm Phật đem một niệm tin tưởng vào Đức Phật A Di Đà, và ngay lập tức bước vào địa vị Tất định. Địa vị Tất định là địa vị chắc chắn thành Phật. Thập Trụ Tỳ bà sa Luận, phẩm Di Hành có nói: “Người nào có thể nghĩ đến vô lượng lực công đức của Đức Phật ấy, thì tức thời nhập Tất định.” Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao nói: “Những phàm phu mà phiền não thành tựu, những quần manh mà sanh tử tội ứ, người nào có được tâm hành Vãng tướng hồi hướng, thì liền trú Chánh định tuệ của Đại thừa.”

<sup>65</sup> ‘Tất chí diệt độ nguyện’ (必至滅度願) được ghi trong Đại Kinh là: “*Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú Chánh định, ắt đến Diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*”

<sup>66</sup> Quần manh (群萌): Phạm: Bahu-jana. Cũng gọi Quần sanh. Dị danh của chúng sanh. Manh là cái mầm của cây cỏ mới nhú ra, hãy còn lờ mờ chưa rõ, hoặc cái tướng của hạt giống chưa nứt. Đạo tâm của chúng sanh mới phát, nhưng còn bị vô minh che khuất, giống như cái mầm của cỏ cây, thế nên dùng từ quần manh để ví dụ cho chúng sanh. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 266 hạ), nói: “Như Lai đem lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi, cho nên xuất hiện thế gian, khai sáng đạo giáo, muốn cứu vớt quần manh, ban cho lợi ích chân thật.” (Như Lai dĩ vô tận đại bi, cằng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi. 如來以無盡大悲, 矜哀三界, 所以出興於世, 光闡道教, 欲拯群萌, 惠以真實之利.) Phẩm Hóa Thành Dụ, kinh Pháp hoa (Đại 9, 24 hạ) nói: “Thiên nhân tôn trí khắp, Thương xót loài quần manh, Hay mở cửa cam lộ, Rộng độ hết

Đức Phật xuất hiện trên thế gian là vì Ngài mong muốn giúp đỡ và cứu độ tất cả chúng sanh bằng cách thuyết giảng bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

*Ngũ trước ác thời quần sanh hải, Ứng tín Như Lai như thật ngôn:* tất cả chúng sanh nơi ‘ngũ trước ác thế’ phải nên tin nhận lời dạy như thật này của Đức Như Lai mà không chút nghi ngờ.

*Năng phát nhất niệm hỷ ái tâm:* Năng, là khả năng. Phát, là khai mở, hưng khởi. *Nhất niệm hỷ ái tâm:* khi tín tâm chân thật được khai phát thì đó là ‘nhất niệm khánh hỷ’<sup>67</sup>, người ấy chắc chắn sẽ vãng sanh Báo độ chân thật của bản nguyện A Di Đà.

*Bát đoạn phiền não đắc Niết bàn:* Bát đoạn phiền não: chúng ta đầy đủ phiền não, nhưng không bắt buộc đoạn tận phiền não. *Đắc Niết bàn:* vẫn đến Vô thượng đại Niết bàn.

*Phàm thánh nghịch báng tề hồi nhập:* tiểu thánh, phàm phu, ngũ nghịch, báng pháp, vô giới và nhất xiển đề đều hồi tâm [tự lực], quy nhập biển cả ‘tín tâm chân thật’, giống như tất cả dòng sông chảy vào biển cả, chúng có một mùi vị như nhau, không hai không khác, cho nên nói, ‘*Như chúng thủy nhập hải nhất vị*’.

*Nhiếp thủ tâm quang thường chiếu hộ:* tâm quang của Đức Phật Vô Ngại Quang thường chiếu hộ người có tín tâm, để bóng tối vô minh tan biến, đêm dài sanh tử tỏ rạng. Thật tốt khi biết rằng trời đã sáng.

*Dĩ năng tuy phá vô minh ám:* là ý nghĩa nói trên. Hãy biết rằng việc đạt được tín tâm cũng giống như chào đón bình minh.

---

tất cả.” (Phổ trí Thiên nhân tôn, Ai mẫn quần manh loại, Năng khai cam lộ môn, Quảng độ ư nhất thiết. 普智天人尊, 哀愍群萌類, 能開甘露門, 廣度於一切.)

<sup>67</sup> Nhất niệm khánh hỷ (一念慶喜) hay Khánh hỷ nhất niệm (慶喜一念): thời điểm đầu tiên (nhất niệm) phát khởi tín tâm vào tha lực của Đức Phật A Di Đà (khánh hỷ tâm). Khánh hỷ là không hai tâm, không nghi ngờ đối với pháp được nghe.

*Tham ái sân tăng chi vân vụ, Thường phú chân thật tín tâm thiên:* Tham ái và sân tăng (giận ghét) như mây và sương mù, và chúng luôn che phủ bầu trời tín tâm chân thật.

*Thí như nhật quang<sup>68</sup> phú vân vụ, Vân vụ chi hạ minh vô ám:* cho dù ánh sáng mặt trời bị mây mù che phủ, nhưng khi bóng tối tan đi thì bầu trời sáng sủa bên dưới những đám mây và sương mù. Ngay cả khi tín tâm bị bao phủ bởi mây ‘tham ái’ và sương mù ‘sân tăng’, vẫn không gì chướng ngại được sự vãng sanh.

*Hoạch tín kiến kính đắc đại khánh:* người đạt được tín tâm này sẽ vô cùng kính trọng và hoan hỷ. Đại khánh, là rất vui mừng vì đã đạt được những gì cần đạt được.

*Tức hoành siêu tiệt ngũ ác thú:* có được tín tâm thì lập tức ‘cắt ngang năm đường dữ’. *Tức hoành siêu:* Tức, là ngay lập tức, và một người có tín tâm thì ngay lập tức xác định địa vị Chánh định tụ. *Hoành siêu:* Hoành, là bản nguyện lực và tha lực của A Di Đà Như Lai. *Siêu,* là dễ dàng vượt qua (siêu) biển cả sanh tử để đi vào thành Vô thượng đại Niết bàn.

Tín tâm là chánh ý của Tịnh độ tông. Theo nghĩa này, Đại sư Thánh nhân (Nguyên Không) nói, “*Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa.*” Nghĩa, là cái tâm kế đặc của hành giả. Chừng nào hành giả còn cái tâm kế đặc thì được gọi là ‘tự lực’. Phải biết cân nhắc về sự tự lực này.

Chánh Gia năm thứ 2, ngày 28 tháng 6 năm Mậu Ngọ (1258), viết xong.

Thân Loan Thánh nhân 86 tuổi

---

<sup>68</sup> Chánh văn ở đây ghi ‘Thí như nhật nguyệt phú vân vụ’, dù Chánh Tín Kệ ở trên viết ‘Thí như nhật quang phú vân vụ’.